

## **THƯ NGỎ CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUỐNG**

Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Cầu Đuống xin gửi tới quý khách hàng, quý cổ đông cùng quý vị đối tác lời chúc sức khỏe - an khang – thịnh vượng!

Theo đánh giá của Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, Kinh tế xã hội năm 2021 diễn ra trong bối cảnh dịch Covid 19 bùng phát mạnh và diễn biến khó lường trên phạm vi toàn cầu và đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Các nền kinh tế lớn đối mặt với tình trạng suy thoái nhiều nhất trong thập kỷ qua. Nhờ sự chỉ đạo kịp thời của Chính phủ và những quyết sách đúng đắn kinh tế xã hội đã phần nào khắc phục được những khó khăn xảy ra

Là một doanh nghiệp với bề dày lịch sử hàng trăm năm, tiền thân là nhà máy gạch ngói Hưng ký – nhà máy gạch ngói đầu tiên tại Đông Dương thế kỷ XX, chúng tôi tự hào là nhà cung cấp các sản phẩm gạch ngói chất lượng cao tới người tiêu dùng trong nước và quốc tế. Với các sản phẩm nhiều năm đạt được các danh hiệu do các Bộ, Ngành Trung ương và người tiêu dùng bình chọn, được các đối tác lớn như Vincom, Udic, HUD, Vinaconex,...tin tưởng gắn bó. Ngoài ra, với đội ngũ kỹ sư giỏi, nhiệt huyết, không ngừng học hỏi, sáng tạo, công ty chúng tôi từ lâu đã trở thành một thương hiệu tin cậy trong lòng bạn bè cả nước trên lĩnh vực xây dựng và chuyên giao công nghệ sản xuất gạch tuynel. Trong xu thế nền kinh tế đang ngày càng phát triển, và tốc độ đô thị hoá nhanh, nhu cầu về vật liệu xây dựng cũng tăng theo, tuy nhiên các doanh nghiệp trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng đang phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức với các doanh nghiệp tư nhân

Hiểu được điều đó, Công ty chúng tôi không ngừng cải tiến công nghệ kỹ thuật, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm mang lại cho khách hàng lợi ích cao nhất. Khẳng định được thương hiệu, vị thế và uy tín của mình là yêu cầu cấp thiết hơn bao giờ hết đối với cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Cầu Đuống. Đích đến mà công ty hướng tới trong giai đoạn này hoàn toàn có thể đạt được nếu có sự góp sức của đội ngũ lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, lòng tin của các quý cổ đông, quý khách hàng và đối tác trân quý. Với kỳ vọng đưa Cầu Đuống trở thành thương hiệu mạnh trong tương lai không xa, ban lãnh đạo cam kết luôn nỗ lực hết mình để giúp công ty bứt phá trong giai đoạn đầy khó khăn biến động của nền kinh tế.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Cầu Đuống xin gửi lời cảm ơn chân thành tới tất cả quý vị - những người đã đồng hành cùng chúng tôi trong suốt những năm tháng khó

khăn vừa qua. Cùng nhau, chúng ta hãy tiếp tục duy trì một tập thể đoàn kết, cầu tiến và  
luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững  
Trân trọng cảm ơn quý vị!

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2022

Thay mặt ban lãnh đạo Công ty

Tổng giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Ngô Thành An*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

- Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội  
- Các quý vị cổ đông công ty

**I. Thông tin chung**

*1. Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cầu Đuông
- Tên tiếng anh: CauDuong Joint Stock Company
- Tên viết tắt: CDC.,JSC
- Mã chứng khoán: CDG
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0100104997 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/06/2006, thay đổi lần thứ chín ngày 22/05/2019
- Vốn điều lệ: 34.649.950.000 đồng (tại thời điểm 31/12/2021)
- Vốn chủ sở hữu: 34.649.950.000 đồng (tại thời điểm 31/12/2021)
- Trụ sở chính: Km 14 – Quốc lộ 3 – Xã Mai Lâm – Đông Anh – Hà Nội
- Điện thoại: 0243.961.1346
- Fax: 0243.880.0258
- Email: [cdc@cauduong.com.vn](mailto:cdc@cauduong.com.vn)
- Website: [www.gachngoicauduong.com](http://www.gachngoicauduong.com)

**QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN**

- + 1905: Tiền thân là Xưởng gạch Hưng Ký, bắt đầu hoạt động từ năm 1905 với quy mô công nghiệp hình thành vào loại sớm nhất Đông Dương.
- + Ngày 05/02/1959: Xí nghiệp Công tư hợp doanh Gạch ngói Cầu Đuông được thành lập theo Quyết định số 281/KTTC ngày 05/02/1959 của Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Ninh.
- + Năm 1992: Đổi tên là Xí nghiệp Gạch ngói Cầu Đuông thuộc Sở Xây Dựng Hà Nội.
- + Năm 1995: Đổi tên là Công ty Vật liệu Xây dựng Cầu Đuông.

- + Năm 2002: Đổi tên là Công ty Đầu tư Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Cầu Đuống.
- + Tháng 12/2004: Trở thành đơn vị thành viên trực thuộc Tổng Công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC.
- + Năm 2006: Từ hình thức sở hữu Nhà nước, Công ty tiến hành xong việc cổ phần hóa và chính thức mang tên Công ty cổ phần Cầu Đuống.
- + Ngày 27/02/2017: Cổ phiếu CDG của Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) chấp thuận đăng ký giao dịch chính thức trên sàn chứng khoán UpCoM.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

### **- Ngành nghề kinh doanh:**

- + Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng: bao gồm sản xuất và kinh doanh Sản phẩm vật liệu xây dựng nung và Sản phẩm vật liệu xây dựng không nung.
- + Thi công xây lắp và tư vấn thiết kế: bao gồm Xây lắp trong lĩnh vực công nghiệp và Xây lắp trong lĩnh vực dân dụng.
- + Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí.

### **SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG:**

+ Sản phẩm vật liệu xây dựng nung: Gạch ngói, gốm đất sét nung là sản phẩm truyền thống của Công ty đã có từ hàng trăm năm nay. Công ty có 03 nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng nung với dây chuyền sản xuất và hệ thống lò nung tuynel theo công nghệ tiên tiến nhất. Hiện tại đã cho thuê khoán 02 nhà máy và công ty đang vận hành sản xuất 01 nhà máy gạch ngói tuynel.

### **THI CÔNG XÂY LẮP VÀ TƯ VẤN THIẾT KẾ**

Công ty đã ký và triển khai được các hợp đồng xây lắp trong lĩnh vực công nghiệp (xây dựng nhà máy sản xuất gạch ngói) và lĩnh vực dân dụng (thi công lắp đặt điện nước toà nhà HH2B – Linh Đàm). Đặc biệt, việc thi công và tư vấn thiết kế các nhà máy gạch ngói đã được công ty triển khai từ rất sớm, bắt đầu bằng việc xây lắp và chế tạo thiết bị lò nung nhà máy gạch tuynel Phú Yên vào năm 1998.

### **- Địa bàn kinh doanh:**

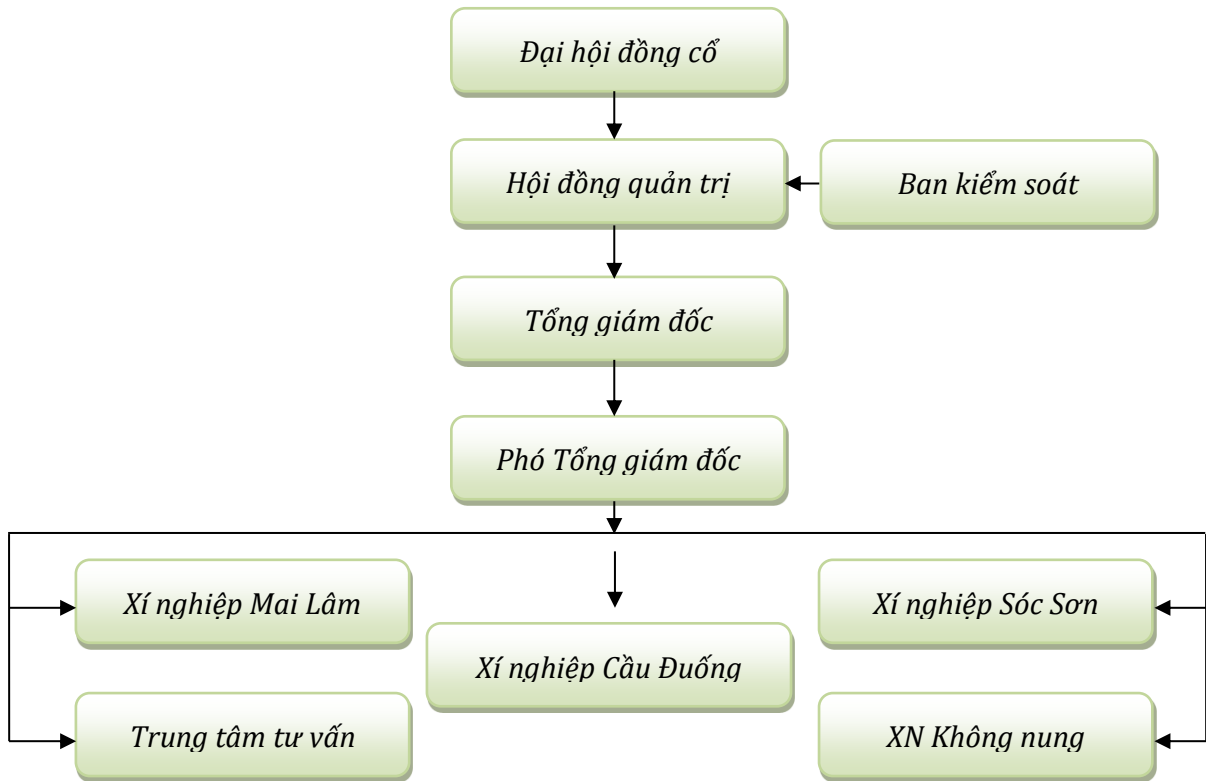
Các sản phẩm vật liệu xây dựng và cơ khí gia công của Cầu Đuống được tin dùng bởi đông đảo người tiêu dùng trong phạm vi toàn quốc, trong đó các sản phẩm của công ty có mặt nhiều nhất tại địa bàn Hà Nội và các tỉnh lân cận.

Công ty cổ phần Cầu Đuống hoạt động chủ yếu thông qua trụ sở chính tại Km 14 – Quốc lộ 3 – Xã Mai Lâm – Đông Anh – Hà Nội; hệ thống các xí nghiệp tập trung tại

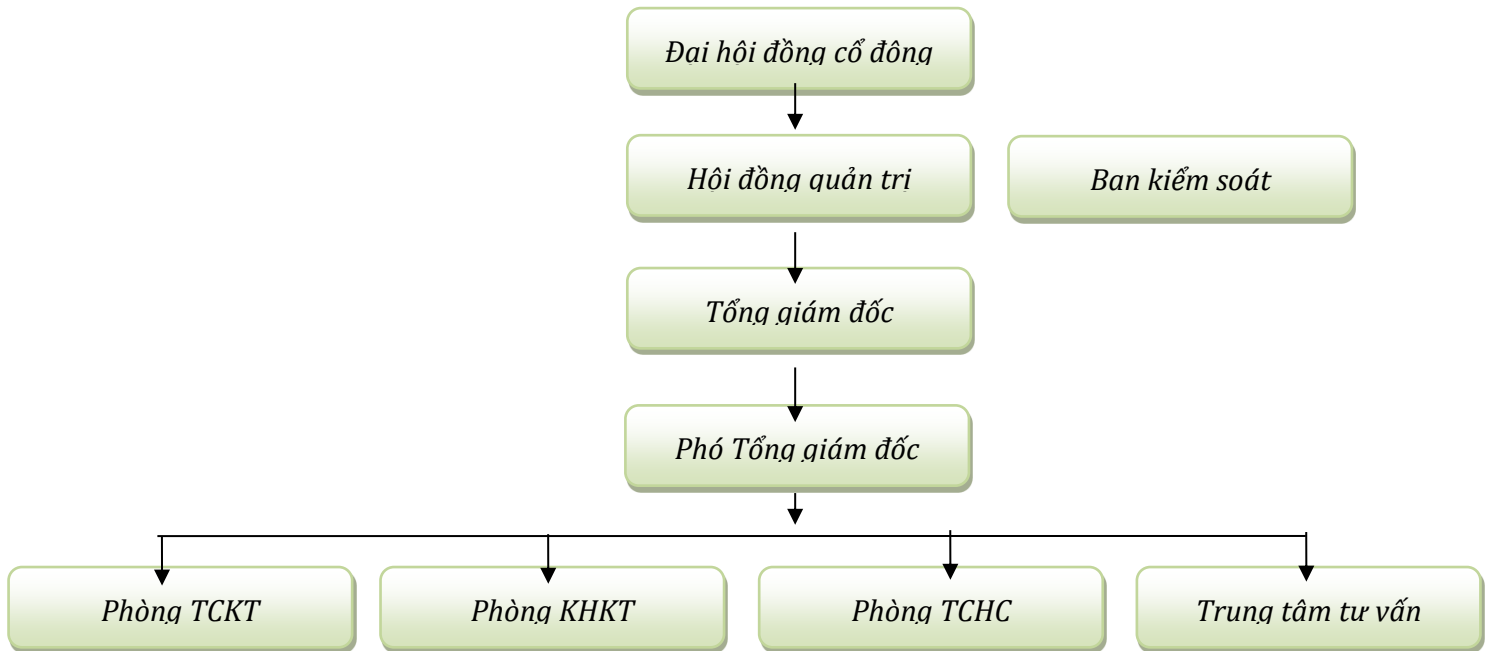
huyện Đông Anh – Hà Nội là cung ứng chủ yếu các sản phẩm, dịch vụ cho việc phân phối tại trụ sở công ty.

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

**Mô hình quản trị:**



- Cơ cấu bộ máy quản lý



#### 4. Định hướng phát triển

- **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

- + Sử dụng vốn có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Tối đa hoá lợi nhuận, tăng lợi tức cho các cổ đông;
- + Đóng góp ngày càng lớn vào Ngân sách Nhà nước;
- + Tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động;
- + Phát triển Công ty ngày một lớn mạnh.

- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- + Duy trì sản xuất vật liệu nung và không nung theo hướng tập trung;
- + Cho thuê và cắt giảm các công đoạn không hiệu quả;
- + Kết quả sản xuất kinh doanh có lãi, cổ tức hàng năm chia tối thiểu 8%

## 5. Các rủi ro

### Rủi ro kinh tế

Trong một nền kinh tế mở cửa và hội nhập, rủi ro và sự lan truyền rủi ro là điều không thể tránh khỏi. Về mặt tổng quát, loại hình rủi ro này chịu sự chi phối đến từ chính sự biến động của các thành tố cơ bản trong nền kinh tế: tổng sản phẩm quốc nội, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cán cân mậu dịch,... Tại Việt Nam, thị trường bất động sản bước vào giai đoạn dồi dào nguồn cung cũng là thời điểm số dự án khởi công mới càng ít đi, điều này khiến cho thị trường vật liệu xây dựng cũng bị ảnh hưởng đáng kể. Tại các báo cáo về tình hình sản xuất, tiêu thụ vật liệu xây dựng của Bộ Xây dựng và các đơn vị liên quan đưa ra ở thời điểm cuối năm 2021 đều cho thấy, tình hình tiêu thụ các mặt hàng vật liệu xây dựng ở trong nước tăng trưởng không mạnh. Đại diện Bộ Xây dựng nhận định: “Với đà này, năm 2021, các mặt hàng vật liệu xây dựng chủ chốt khó có tăng trưởng đột biến, thậm chí là khó tiêu thụ”.

Bên cạnh nguyên nhân do nhu cầu tiêu thụ vật liệu xây dựng trong nước đang chững lại, điều đáng lo ngại nhất là sự cạnh tranh quyết liệt với hàng có nguồn gốc từ nước ngoài, trong đó có Trung Quốc. Theo ông Nguyễn Quang Cung, Phó Chủ tịch Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam, thông tin từ một số doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng của Trung Quốc cho biết, với khẩu hiệu “Trung Quốc sáng tạo và giảm thiểu ô nhiễm môi trường”, ngành vật liệu xây dựng Trung Quốc đang có những bước chuyển mình rất lớn về công nghệ với các sản phẩm ngày càng đẹp hơn và giá cả thấp hơn. Bên cạnh đó, nhiều hãng vật liệu - nội thất danh tiếng đến từ Mỹ, Anh, Hàn Quốc, Italia, Singapore... cũng đang nhắm đến Việt Nam như một thị trường tiềm năng. Đó sẽ là những đối thủ tiềm tàng của các doanh nghiệp vật liệu xây dựng Việt Nam. Đại diện Hiệp hội Vật liệu xây dựng cho rằng, đây là thách thức rất lớn và không còn lựa chọn nào khác, các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng trong nước phải chú trọng hơn nữa vào việc đầu tư, đổi mới thiết bị công nghệ, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời với việc giảm giá thành... để có thể cạnh tranh sòng phẳng trên sân nhà.

Dịch covid 19 đã ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế

### **Rủi ro lạm phát**

Kiểm soát lạm phát là yếu tố quan trọng góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Năm 2021, kinh tế Việt Nam đạt thắng lợi kép: kiểm soát được lạm phát và tăng trưởng kinh tế vượt chỉ tiêu của Quốc hội đề ra.

### **Rủi ro lãi suất**

Lãi suất bao giờ cũng có yếu tố tham chiếu quyết định đó là lạm phát. Trong 3, 4 năm nay, lạm phát của Việt Nam đã duy trì ở mức thấp, tăng trưởng kinh tế cao, phản ánh rõ nét về sự ổn định nền kinh tế vĩ mô. Nền kinh tế Việt Nam sức cạnh tranh còn yếu nên chi phí sản xuất là yếu tố rất quan trọng trong sản xuất kinh doanh.

Lãi suất cho vay trong năm 2021 đã giảm nhưng chưa được như mong đợi do nhiều nguyên nhân. Thứ nhất, thị trường tiền gửi và thị trường liên ngân hàng kém liên thông. Lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức khá thấp trong khi lãi suất trên thị trường tiền gửi giảm không nhiều, do thanh khoản dồi dào trên thị trường tập trung chủ yếu ở các tổ chức tín dụng lớn. Lãi suất huy động trong năm qua không giảm vì nhu cầu vốn lớn, thị trường bất động sản đã khởi sắc nên nhiều người rút tiền để đầu tư hay đầu tư chứng khoán. Thứ hai, nợ xấu vẫn là rào cản lớn cho việc hạ lãi suất trong khi tỷ lệ thu nhập lãi cận biên của các tổ chức tín dụng vẫn còn ở mức khiêm tốn so với các nước trong khu vực.

Đối mặt với xu hướng biến động khó lường của lãi suất cho vay, Công ty đã lên kế hoạch để chủ động trong việc duy trì cung ứng vốn đầu vào, huy động vốn từ các nguồn khác mà không lệ thuộc hoàn toàn vào việc vay ngân hàng để có thể đảm bảo duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tới.

### **Rủi ro pháp lý**

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các doanh nghiệp khác. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra



những bất lợi cho hoạt động của Công ty. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau (Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán...). Pháp luật Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi, hoàn thiện để phù hợp với thực tiễn và quá trình hội nhập quốc tế nên có nhiều thay đổi, biến động. Bất cứ sự thay đổi nào cũng sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Công ty sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

### **Rủi ro khác**

Công ty có thể gặp một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng như động đất, bão, lụt, hỏa hoạn, dịch bệnh... Các rủi ro này khó lường trước và đều có khả năng gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh của Công ty

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### *1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*

### *2. Tổ chức và nhân sự*

- Giới thiệu ban điều hành

STT	Vị trí	Tên	Nhiệm kỳ	Tỷ lệ nắm giữ cổ phần CDG
1	Tổng giám đốc	Ngô Thành An	2019-2024	4,09%
2	Phó tổng giám đốc	Hoàng Tiến Đạt	2019-2024	0,0006%
3	Kế toán trưởng	Nguyễn Thị Xuân Hoa		

- Ông Ngô Thành An – Tổng giám đốc kiêm thành viên HĐQT

- Số CMND: 001068003408 ngày cấp 18/05/2015 Nơi cấp: Hà Nội

- Ngày sinh: 07/03/1968

- Giới tính: Nam

- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ: Lộc Hà, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần 4,09%

<b>Giai đoạn</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
05/1989-09/1996	Xí nghiệp gạch ngói Cầu Đuống	Cán bộ kỹ thuật
10/1996-12/1998	Công ty VLXD Cầu Đuống	Cán bộ kỹ thuật
01/1999-03/2001	Công ty VLXD Cầu Đuống	Phó phòng Kế hoạch vật tư
04/2001-12/2002	Công ty VLXD Cầu Đuống	Giám đốc XN xây lắp số 2
01/2003-06/2002	Công ty ĐTXD và SX Vật liệu Cầu Đuống	Giám đốc XN xây lắp số 2
07/2006-06/2009	Công ty Cổ phần Cầu Đuống	Thành viên HĐQT, giám đốc XN xây lắp và cơ khí
07/2009-03/2013	Công ty Cổ phần Cầu Đuống	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc công ty, Giám đốc XN xây lắp
04/2013-02/2014	Công ty Cổ phần Cầu Đuống	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc công ty, Giám đốc XN Cầu Đuống
03/2014-04/2014	Công ty Cổ phần Cầu Đuống	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc công ty, Giám đốc XN Sóc Sơn
05/2014-05/2019	Công ty Cổ phần Cầu Đuống	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc công ty, Giám đốc trung tâm tư vấn đầu tư và xây dựng

05/2019 đến nay	Công ty Cổ phần Cầu Đuống	Thành viên HĐQT, TGD công ty
-----------------	---------------------------	------------------------------

• **Ông Hoàng Tiên Đạt**

- Số CMND: 010604057 Ngày cấp: 26/04/2004 Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày sinh: 24/10/1962
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Thôn Lộc Hà, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

• **Bà Nguyễn Thị Xuân Hoa**

- Số CCCD: 002184000048 Ngày cấp: 10/08/2016 Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày sinh: 01/05/1984
- Giới tính: Nữ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Tổ 15 P.Giang Biên, Q.Long Biên, TP Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Những thay đổi trong ban điều hành trong năm: Không có

*Cơ cấu nhân sự*

STT	Phân loại lao động	Số người	Tỷ trọng
<b>I</b>	<b>Phân theo phòng ban</b>		
<b>1</b>	Khối văn phòng	16	20,51%
<b>2</b>	Khối công nhân sản xuất	62	79,49%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>78</b>	<b>100%</b>
<b>II</b>	<b>Phân theo trình độ</b>		
<b>1</b>	Đại học	11	14,47%

<b>2</b>	Cao đẳng	04	5,26%
<b>3</b>	Trung cấp	11	14,47%
<b>4</b>	Công nhân kỹ thuật	52	65,8%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>78</b>	<b>100%</b>

### *Công tác đào tạo*

Trong công tác đào tạo, Công ty đã chú trọng đến công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn.

### *Công tác lương thưởng*

Đối với người lao động trong Công ty, tiền lương được hưởng theo hệ số, trả lương căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho các cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương theo niên hạn cho các cán bộ công nhân viên.

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2021</b>
Mức thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	5.600.000	5.806.000	

### *Chính sách đãi ngộ, phúc lợi:*

Ngoài những quyền lợi được quy định trong Bộ Luật lao động, người lao động có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

### *3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*

- a. Các khoản đầu tư lớn
- b. Các công ty con, công ty liên kết

### *4. Tình hình tài chính*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Doanh thu	VNĐ	32.503.255.398	25.649.891.520
Doanh thu thuần	VNĐ	31.382.404.050	22.791.130.723
Lợi nhuận gộp	VNĐ	11.515.134.018	7.898.706.611
Chi phí hoạt động	VNĐ	7.076.236.620	6.494.214.497
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	VNĐ	4.438.897.398	1.404.492.114
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	VNĐ	887.705.697	1.044.773.880
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	VNĐ	13.626.546	881.243.415
Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	5.340.229.641	3.330.509.409
Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	4.589.961.060	2.858.230.913
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Tổng tài sản	VNĐ	57.724.421.844	57.038.395.427
Vốn điều lệ	VNĐ	34.649.950.000	34.649.950.000
Vốn chủ sở hữu	VNĐ	46.942.175.777	45.985.495.690
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		1223,69	824,91
<b>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</b>			
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	7,98%	5,01%
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	13,25%	8,25%
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn		3,12	3,49
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn		1,85	2,11
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản		0,187	0,194
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu		0,23	0,24
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			

+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân		1,52	1,05
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân		0,54	0,4
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0,146	0,125
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		0,1	0,06
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0,08	0,05
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần		1,16	0,86

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin cổ phần

Vốn điều lệ: 34.649.950.000 đồng

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu

Mã chứng khoán: CDG

Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 3.464.995 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 3.464.995 cổ phiếu

Cổ phiếu quỹ: 84 cổ phiếu

Cổ phiếu của cổ đông chiến lược hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

Cổ phiếu của cổ đông nội bộ hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài: 0 cổ phần

**B, Cơ cấu sở hữu**

Danh mục cổ đông	Số cổ phiếu	%
Cổ đông lớn	2.255.784	65,11
Cổ đông khác	1.209.211	34,89

### Tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn

Tên cổ đông	Số cổ phiếu	%	Tính đến ngày
Tổng công ty Đầu tư phát triển Hạ tầng đô thị	1.478.995	42,68	31/12/2021
Nguyễn Thị Phương (Vợ của ông Ngô Văn Chăm)	429.389	12,39	31/12/2021
Nguyễn Thị Liên (vợ của ông Ngô Đức Dũng)	179.186	5,17	31/12/2021
Nguyễn Văn Minh	174.990	5,02	31/12/2021

### Quá trình tăng vốn điều lệ

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	26/06/2006		13.000.000.000	Cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước, phát hành ra công chúng	Giấy CNĐKKD
2	01/10/2009	2.000.000.000	15.000.000.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	Giấy CNĐKKD
3	26/07/2010	6.000.000.000	21.000.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức	Giấy CNĐKKD

				bằng cổ phiếu	
4	19/09/2011	9.000.000.000	30.000.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức bằng cổ phiếu	Giấy CNĐKKD
5	05/10/2012	3.000.000.000	33.000.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức bằng cổ phiếu	Giấy CNĐKKD
6	30/12/2013	1.649.950.000	34.649.950.000	Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty	Giấy CNĐKKD

**D, giao dịch cổ phiếu quỹ: không có**

**E, Các chứng khoán khác: không có**

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

#### **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

##### **1. Thực hiện kế hoạch sản lượng**

- Tổng doanh thu tại công ty đạt 25,6 tỉ đồng bằng 119,1% so với kế hoạch, bằng 78,9% so với năm 2020.



- Doanh thu giảm sâu trong lĩnh vực sản xuất vật liệu, tăng ở lĩnh vực thuê khoán và hoạt động tài chính khác của Công ty, tổng doanh thu giảm gần 7 tỷ đồng so với 2020.

### **1.1 Sản xuất vật liệu xây dựng**

- Vật liệu xây dựng nung (tại XN Mai Lâm):
  - + Dừng lò 2 tháng đầu năm do phải sửa chữa máy móc, đến tháng 8 do dịch COVID nên tiếp tục dừng 3 tháng.
  - + Thực hiện sản xuất 10.242.224 viên, tương ứng 11.114.440 viên QTC bằng 105,1% so kế hoạch và 54,6% so với năm 2020, trong đó cơ cấu sản phẩm có giá trị cao như gạch không trát, gạch lát, ngói thực hiện 5,6%. Lượng tiêu thụ bằng 92,8% lượng sản xuất, sản phẩm tồn kho tăng từ 7,07 tr viên năm 2020 lên 7,8 triệu viên năm 2021.
- Vật liệu xây dựng không nung:
  - + Đối với gạch không nung và ngói màu: Tiêu thụ hàng tồn kho không đáng kể, cụ thể bán được 62.300 viên các loại tương đương 124.272 viên QTC bằng 111,7% so với kế hoạch.

Doanh thu vật liệu không nung thực hiện 64,1 triệu đồng bằng 36,2% so với KH.

### **1.2 Lĩnh vực cơ khí, xây lắp: không hoạt động**

### **1.3 Công tác thuê khoán, liên doanh hợp tác:**

Công ty tăng cường công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện hợp đồng tại các đơn vị thuê khoán, đôn đốc công nợ tuy nhiên với tình hình kinh tế khó khăn nên nhiều đơn vị cũng chậm thanh toán, tuy nhiên đến nay cơ bản đã thanh toán hết năm 2021.

Hoạt động thuê khoán:

- + Việc thuê khoán sản xuất gạch tại Xí nghiệp Cầu Đuống đã dừng hợp đồng với Công ty CP VLXD Cầu Đuống từ ngày 12 tháng 10 năm 2021, hiện tại đơn vị này đang tiêu thụ sản phẩm tồn kho và trả tiền mặt bằng theo quy định của Hợp đồng đã ký trước đó.

- + Việc thuê khoán sản xuất gạch tại Xí nghiệp Sóc Sơn đã thanh lý hợp đồng cũ đến hết 30/6/2021, công ty tiến hành thanh lý tài sản không có nhu cầu sử dụng, quy hoạch lại mặt bằng. Ký lại Hợp đồng mới với Công ty CP VLXD Mai Đình từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 trên phần diện tích 23.223m<sup>2</sup> với thời hạn hợp đồng 5 năm.

+ Dây chuyền sản xuất gạch không nung hết hạn vào 31/12/2020 đã ký hợp đồng ngay sau đó với đơn vị Công ty CP SX VLXD Cầu Đuống, thời hạn hợp đồng 3 năm.

+ Dây chuyền sản xuất ngói màu hết hạn vào 31/12/2020 đã thanh lý hợp đồng và thương thảo ký hợp đồng mới tiếp tục với đơn vị Công ty TNHH Bình Minh với thời hạn 3 năm.

Hoạt động liên doanh hợp tác, cho thuê:

- Duy trì tốt các hợp đồng đang thực hiện;
- Đầu tư xây dựng mới, quy hoạch cải tạo các nhà hiện có, tìm đối tác liên doanh hoặc cho thuê:

+ Nhà kho 42x18m mới tại Mai Lâm hiện đã ký được hợp đồng cho thuê;

+ Nhà giới thiệu sản phẩm: Thanh lý hợp đồng cũ, đã tìm được đối tác cho thuê từ 01/7/2021.

+ Đầu tư cải tạo nhà dưỡng hộ cũ XN Không nung, đã cho thuê từ tháng 6 năm 2021.

- Tích cực quảng cáo, giới thiệu, tìm kiếm đối tác cho thuê các nhà xưởng đã đầu tư bằng nhiều kênh thông tin như treo băng zôn quảng cáo, đăng thông tin lên mạng, kể cả các hình thức trả phí.

Nhìn chung tất cả các hoạt động liên doanh và cho thuê khoán còn lại đều đem lại hiệu quả, các đơn vị nhận thuê khoán đều thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng. Tuy nhiên do đặc thù năm 2021 tình hình khó khăn chung trong các ngành nghề nên giá trị các hợp đồng ký được không cao như kỳ vọng.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê, liên doanh và hoạt động khác đạt 17,404 tỷ đồng bằng 141,7% so với kế hoạch năm bằng 134% cùng kỳ; lãi 5,78 tỷ đồng.

## **2. Công tác quản lý chất lượng sản xuất VLXD - Máy móc thiết bị:**

- Thực hiện tốt công tác duy tu bảo dưỡng nên duy trì trạng thái hoạt động bình thường của dây chuyền máy móc thiết bị. Chất lượng sản phẩm không ổn định, sản xuất gạch mới ít, bán gạch cũ nổ vôi nhiều nên giảm làm chất lượng chung của sản phẩm.

Việc phân loại sản phẩm vẫn được chú trọng thực hiện, các khâu, các bộ phận đều được thường xuyên nhắc nhở thực hiện đúng quy định nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, giữ được uy tín của công ty.

- Khai thác các nguồn cung cấp than đảm bảo chất lượng và giá thành hợp lý, duy trì sử dụng than xít, than nhiệt năng thấp để pha vào gạch mộc kết hợp việc sử dụng dây chuyền

nghiên sa một vừa xử lý được chất thải rắn đồng thời phát huy được hiệu quả công nghệ mới nâng chất lượng sản phẩm. Trong năm đã tiến hành nhập đất chú trọng đến khâu quản lý chất lượng nên nhập được đất sạch, đất đẹp để sản xuất các sản phẩm có giá trị cao.

### **3. Công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm:**

Công tác tiêu thụ là vấn đề ngày càng khó khăn, để giải quyết vấn đề này Công ty đã thực hiện một số giải pháp sau:

- Liên tục nắm bắt tình hình bán hàng và nhu cầu của các khách hàng duy trì các mối quan hệ đã có, tìm kiếm mở rộng đại lý và khách hàng tiêu thụ mới.

- Thông qua khách hàng đi đến các công trình của nhà thầu thi công để nắm bắt được thực tế công trường nhằm đáp ứng được yêu cầu về chủng loại sản phẩm cũng như tiến độ của đơn vị thi công.

- Cơ cấu sản phẩm sản xuất theo nhu cầu thị trường, tập trung vào sản xuất các loại sản phẩm có nhu cầu lớn mà thị trường đang cần, có cơ chế khuyến khích xuất hàng trên xe giảm chi phí và tỷ lệ phế phẩm; duy trì khai thác hợp đồng về các loại sản phẩm có giá trị cao như ngói, gạch bát, đặt hàng phục chế.

### **4. Tổ chức, lao động, tiền lương:**

#### ***-Tổ chức:***

Ban lãnh đạo Công ty đã thường xuyên rà soát, hợp chỉ đạo phân công nhiệm vụ cho bộ máy quản lý công ty.

#### ***- Lao động, việc làm:***

+ Sắp xếp công việc hợp lý, bố trí linh hoạt giữa các công đoạn nhằm tiết kiệm nhân lực, phân công công việc nhằm đảm bảo thu nhập đồng đều giữa các bộ phận. Sắp xếp công việc, tạo công ăn việc làm cho những lao động khó khăn trong thời gian phải dừng lò.

#### ***- Tiền lương:***

+ Duy trì định mức đơn giá tiền lương cho công nhân, kết hợp với thưởng năng xuất nhằm thúc đẩy sản xuất tăng việc làm và thu nhập cho người lao động. Tiền lương của cán bộ quản lý được xây dựng trả theo kết quả SXKD, cán bộ kỹ thuật được xây dựng trả theo kết quả sản xuất. **Năm 2021** thu nhập bình quân người lao động đạt 5,3 triệu đồng, bằng 91,9 % so với năm 2020.

### **5. Công tác tài chính.**

Do thuận lợi về tình hình tài chính nên mặc dù tiêu thụ chậm nhưng Công ty vẫn phục vụ đủ, kịp thời cho sản xuất và đầu tư quy hoạch lại mặt bằng tăng hiệu quả SXKD; Năm

2021 phần tài chính dôi dư đã lựa chọn được Ngân hàng có lãi cao hơn nhằm tăng hiệu quả tiền gửi.

- Thực hiện đầu tư nhà xưởng cho thuê bằng cách quy hoạch tận dụng tối đa mặt bằng.
- Thực hiện tham gia đấu giá đất để đầu tư kinh doanh có hiệu quả. Tham gia mua 22 hồ sơ đấu giá đất, tham gia 11 phiên đấu giá, trúng đấu giá 02 lô đất; đã bán 1 lô đất năm đầu tư năm 2020.
- Duy trì chặt chẽ các quy định quản lý Công ty về quản lý tài chính, tài sản, vật tư.

## **6. Giải quyết hồ sơ đất đai:**

Tiếp tục phối hợp với các ban ngành chức năng và thuê đơn vị tư vấn giải quyết các thủ tục về hồ sơ đất đai. Các việc đã giải quyết đến nay như sau:

- Xí nghiệp Mai Lâm: Đã thực hiện xây xong tường rào phía Đông khu đất, phía Bắc còn vướng mắc tại gia đình nhà ông Thủ nên chưa xây được (khoảng 10m tường rào).
- XN Cầu Đuống: Đã có Quyết định của TP phê duyệt đơn giá thuê đất theo QĐ 217 tháng 1/2015; tuy nhiên đã quá thời hạn 5 năm nên phải làm lại hồ sơ ra QĐ mới. Thuê đơn vị tư vấn đo đạc vẽ bản đồ 1/500 và thực hiện các bước tiếp theo để được ký Hợp đồng thuê đất.
- XN Sóc Sơn đến T8/2022 sẽ hết hạn HĐ, Công ty đã thuê đơn vị tư vấn đo đạc vẽ bản đồ 1/500 và thực hiện các bước tiếp theo để được ký Hợp đồng thuê đất.
- Khu đất nhà cơ khí tại xã Mai Lâm: đã ký Phụ lục hợp đồng theo Hợp đồng số 354/HĐTĐ ngày 27/6/2014 (đã hết hạn năm 2016) với diện tích 4.983m<sup>2</sup> để tiếp tục sử dụng làm kho xưởng sản xuất, thời gian thuê đất hàng năm.

## **7. Công tác đầu tư:**

Năm 2021 đã tiến hành rà soát nhu cầu sử dụng của các xí nghiệp, quy hoạch đầu tư nhà kho, đồng bộ với hệ thống hạ tầng như đường nội bộ, cấp thoát nước, điện,... nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất:

- XN Mai Lâm: Đầu tư xây dựng nhà kho 42x18m mới với kết cấu dạng vòm; cải tạo nâng cấp nhà cơ khí cũ, nâng bán mái, xây tường bao xung quanh hoàn chỉnh với diện tích hơn 600m<sup>2</sup>.
- Quy hoạch lại mặt bằng XN Không nung, đầu tư cải tạo nhà dưỡng hộ cũ.
- Đã cải tạo đầu tư xong nhà xưởng tại xí nghiệp Sóc Sơn. Đã thực hiện thi công hoàn thiện nghiệm thu bàn giao nhà kho số 1 (nhà bao che lò nung cũ) Xí nghiệp Sóc Sơn với diện tích 2.346m<sup>2</sup>.

## **8. Kết quả**

Với kết quả đạt được như trên, Công ty có lãi năm 2021 là 3,33 tỷ đồng trước thuế. Cụ thể:

- Xí nghiệp Mai Lâm (SX VLXD): kế hoạch điều chỉnh lỗ 2,602 tỷ đồng - thực hiện lỗ 3,499 tỷ đồng.
- Xí nghiệp không nung (bán sản phẩm tồn kho): kế hoạch điều chỉnh lỗ 189,1 triệu đồng - thực hiện lỗ 82,8 triệu đồng.
- Hoạt động thuê khoán và hợp tác kinh doanh: kế hoạch lãi 4,219 tỷ đồng - thực hiện lãi 5,777 tỷ đồng - đạt 136,9% so với kế hoạch, bằng 134,7% so với cùng kỳ.
- Hoạt động đầu tư tài chính và đầu tư bất động sản: kế hoạch lãi 750 triệu đồng - thực hiện lãi 1,135 tỷ đồng - đạt 151,4% so với kế hoạch, bằng 127,9% so với cùng kỳ.

## **III.TỒN TẠI:**

### **1. Nguyên vật liệu:**

- Lượng đất khai thác ít, thiếu chủ động trong sản xuất, dẫn đến chất lượng sản phẩm chưa đạt yêu cầu. Nguyên nhân do nguồn hạn chế do các công trình dừng thi công, quy trình giao nhận chưa linh hoạt.

### **2. Công tác kỹ thuật, chất lượng sản phẩm:**

- Về công nghệ: Cán bộ quản lý và kỹ thuật chưa kiểm soát triệt để quá trình công nghệ, bố trí kế hoạch sản xuất chưa phù hợp để sản phẩm bị nổ vỡ nhiều.

### **3. Công tác thị trường - tiêu thụ sản phẩm:**

- Công tác giao hàng chưa tốt do bố trí lực lượng còn yếu và thiếu (do tính chất không ổn định nên không thu hút được lao động trong lĩnh vực này).

- Cơ chế bán hàng và công nợ chưa linh hoạt, quy định hạn mức cứng nhắc không khuyến khích được tiếp thị tiêu thụ sản phẩm.

- Sản phẩm đến công trình phụ thuộc nhiều vào đại lý, tiếp thị về phương tiện vận chuyển và phương thức giao nhận. Chưa tiếp cận được trực tiếp với nhà thầu hoặc chủ đầu tư do vậy giá bán thường bị đẩy cao khó tiếp cận vào công trình.

- Việc phối hợp tiêu thụ sản phẩm trong nội bộ với Tổng Công ty tiếp tục duy trì nhưng sản lượng không đáng kể.

### **4. Công tác tổ chức, lao động, tiền lương:**

#### **4.1 Tổ chức:**

- Không có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực, duy trì nhân lực hiện có, kiêm nhiệm nhiều công việc và nhiều lĩnh vực.

#### **4.2 Lao động:**

- Việc tuyển chọn lao động không thực hiện được, công việc nặng nhọc nên không giữ được lao động; các bộ phận quan trọng vẫn phải sử dụng lao động có trình độ tay nghề thấp.

**4.3 Tiền lương:** Thu nhập thấp, do không hiệu quả nên không tăng được đơn giá, mặt bằng thu nhập thấp hơn thị trường trong khu vực. Thu nhập bình quân toàn công ty chỉ đạt 5,3 triệu đồng/người.

#### **5. Công tác tài chính - kế toán**

- Chưa tận dụng hết nguồn lực để nâng thêm thu nhập từ mặt bằng, nhà xưởng để cho thuê do chưa hoàn thiện hết thủ tục đất đai.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

Sau khi kinh tế Toàn cầu bị khủng hoảng nghiêm trọng do Covid-19 trong năm 2020 thì sang năm 2021 kinh thế giới đi vào giai đoạn hồi phục, nhưng tốc độ phục hồi giữa các quốc gia có sự khác biệt. Các quốc gia phát triển trên thế giới được dự báo có mức tăng trở lại cao, như Mỹ với 5,9%, Trung Quốc với mức 8,0%. Khu vực Liên minh châu Âu (EU) cũng được dự báo tăng trưởng trở lại. Trong khi đó các quốc gia tại khu vực Đông Nam Á chỉ được dự báo tăng trưởng ở mức 3,0%.

Tại Việt Nam, Ước tính GDP năm 2021 tăng 2,58%. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9%, đóng góp 13,97% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,05%, đóng góp 63,80%; khu vực dịch vụ tăng 1,22%, đóng góp 22,23%.

Đối với ngành xây dựng, giá trị tăng thêm ước tính tăng 0,2 - 0,5% so với năm 2020, gần như không có sự tăng trưởng.

Tại công ty, Quý 1 năm 2021 do ảnh hưởng từ năm 2020 nên hàng tồn kho nhiều, phải dừng sản xuất hơn 02 tháng (từ 13/1-17/3/2021). Sau đó là dịch bệnh bùng phát tại các tỉnh, đặc biệt đến cuối tháng 7/2021 Hà nội ban hành chỉ thị số 17/CT-UBND ngày

23/7/2021 tiến hành giãn cách xã hội dẫn tới hoạt động vận tải tê liệt, công ty lại phải ngừng sản xuất tiếp 03 tháng, từ tháng 8 đến tháng 10/2021. Dẫn tới cả năm chỉ sản xuất cầm chừng được 07 tháng.

Cũng do dịch bệnh đã dẫn tới các hoạt động kinh doanh khác bị đình trệ các đơn vị thuê khoán do không SXKD được nên đề nghị công ty hỗ trợ giảm tiền thuê do dịch bệnh, có đơn vị thì ngừng thuê. Nhà xưởng xây xong không đưa vào vận hành được.

Kết quả nhiều chỉ tiêu SXKD của công ty đã không đạt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra. Số liệu thể hiện tại chi tiết kết quả SXKD năm 2021 dưới đây.

### **I. Kết quả SXKD năm 2021.**

- SP sản xuất quy TC: 11,11 triệu viên đạt 105,1% KH, bằng 54,6% so với năm 2020.

- Doanh thu (bao gồm doanh thu bán hàng, dịch vụ, doanh thu tài chính và thu nhập khác) là: 25,65 tỷ đồng đạt 119,1% kế hoạch, bằng 78,9% so với năm 2020.

- Nộp ngân sách: 100% theo quy định.

- Thu nhập bình quân: 5,3 triệu đồng/người/tháng, đạt 96,98 % KH, bằng 91,87% so với năm 2020.

- Lợi nhuận lãi 3,33 tỷ đồng, đạt 153% so với kế hoạch và bằng 62,4% so với 2020.

*Trong đó:*

+ *Xí nghiệp Mai Lâm lỗ: - 2,76 tỷ đồng (Trong đó VLXD lỗ 3,499 tỷ; Cho thuê kho xưởng lãi 0,739 tỷ).*

+ *Xí nghiệp Cầu Đuống lãi: 1,21 tỷ đồng.*

+ *Xí nghiệp Sóc Sơn lãi: 2,12 tỷ đồng.*

+ *Xí nghiệp Không nung lỗ: - 0,08 tỷ đồng.*

+ *Thuê khoán, hợp tác đầu tư, bán vật tư... lãi: 1,74 tỷ đồng*

+ *Các hoạt động khác lỗ: - 0,04 tỷ đồng.*

+ *Lãi từ hoạt động tài chính : 1,13 tỷ đồng.*

Như vậy, năm 2021 trong tình hình suy thoái kinh tế trong nước nói chung và ngành xây dựng nói riêng, hoạt động SXKD của công ty bị trì trệ nhưng công ty chúng ta vẫn duy

trì được công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động, vẫn cân đối được lợi ích cho các cổ đông. Điều này đã khẳng định định hướng kinh doanh mà Đại hội cổ đông nhiệm kỳ 2019-2024 đã thông qua là hoàn toàn đúng đắn và phù hợp với xu thế thị trường.

## **PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022**

### **1. Dự báo tình hình**

Dự báo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 sẽ rất khó khăn do hậu quả trực tiếp của đại dịch COVID. Tiếp tục ảnh hưởng đồng thời chịu sự cạnh tranh của những đơn vị tư nhân trong khu vực.

- Chi phí sản xuất khả năng tiếp tục tăng như giá xăng dầu tăng cao, chi phí sản xuất tăng do vật tư đầu vào tăng, chi phí về môi trường, tiền lương, bảo hiểm xã hội...
- Ngành sản xuất gạch đem lại hiệu quả không cao nên hiệu quả thuê khoán các đơn vị làm gạch giảm.

### **2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 (Phụ lục 2)**

Mục tiêu:

- Duy trì ổn định sản xuất, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty lãi: **3,468** tỷ đồng.
- Doanh thu: **29,006 tỷ đồng**. Trong đó:
  - + Doanh thu VLXD: 16,94 tỷ đồng
  - + Doanh thu từ cho thuê khoán, đầu tư tài chính, bất động sản và các hoạt động khác: **12,068** triệu đồng.

### **3. Các biện pháp chủ yếu**

#### **3.1 Công tác đầu tư :**

- Đầu tư xây dựng nhà kho số 2 tại Xí nghiệp Sóc Sơn.
- Quy hoạch, đầu tư nhà xưởng tại XN Cầu Đuống sau khi hoàn thành hồ sơ đất

#### **3.2 Sản xuất:**

**Vật liệu xây dựng nung:**

- Kế hoạch sản xuất tại các Xí nghiệp: Xí nghiệp Mai Lâm tắt lò 1 tháng.
- Về sản phẩm:
  - + Gạch lỗ các loại: 78,7%
  - + Gạch đặc: 11,6%



+ Ngói, gạch bát, gạch không trát: 9,7%

### **3.3 Cung cấp nguyên liệu:**

- Tiếp tục đẩy mạnh tìm kiếm các nguồn nguyên liệu đất tốt để đảm bảo duy trì hoạt động và nâng cao chất lượng sản phẩm tại xí nghiệp Mai Lâm. Duy trì và khai thác nguồn cung cấp than nhiệt thấp nhằm ổn định sản xuất.

### **3.4 Công tác thị trường:**

- Kết hợp việc điều tiết sản xuất sản phẩm linh hoạt, đảm bảo tiến độ cung cấp sản phẩm và chính sách giá cả theo yêu cầu hợp lý của khách hàng.

- Tiếp tục tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Nghiên cứu xây dựng lại các chính sách bán hàng cho phù hợp để thúc đẩy đại lý tiêu thụ sản phẩm. Điều chỉnh chính sách và giá bán phù hợp, tìm khách hàng để tiêu thụ gạch không nung và ngói màu tồn kho.

- Chủ động và đa dạng hóa các kênh vận chuyển để cung cấp cho khách hàng sản phẩm có giá đến công trình phù hợp nhất.

### **3.5 Công tác kỹ thuật, quản lý máy móc thiết bị, an toàn:**

- Duy trì ổn định sản xuất nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí lao động, than, điện.

- Quản lý máy móc thiết bị: đẩy mạnh áp dụng các biện pháp kỹ thuật để nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm. Duy trì bảo dưỡng máy móc thiết bị ổn định phục vụ cho sản xuất.

- Trang bị đầy đủ, duy tu bảo dưỡng thường xuyên các thiết bị cơ giới để nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, đảm bảo sản xuất được an toàn.

- Chất lượng sản phẩm: Bảo dưỡng thiết bị chủ động trong sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm về hình thức mẫu mã, chi tiêu cơ lý, nghiên cứu tăng năng lực sản xuất nhằm đảm bảo tiến độ cấp hàng khi có hợp đồng. Phấn đấu cải thiện công nghệ sản xuất giảm tỷ lệ phế phẩm và tiêu hao vật tư thấp hơn định mức. Giữ vững uy tín về thương hiệu sản phẩm.

### **3.6 Công tác tổ chức, lao động, tiền lương:**

#### **Tổ chức:**

- Giữ ổn định bộ máy quản lý của Công ty và Xí nghiệp

#### **Lao động:**

Đối với bộ máy quản lý:

- Phân công chức năng nhiệm vụ của từng cá nhân theo từng giai đoạn phù hợp với năng lực và yêu cầu công việc.
- Giao việc, hướng dẫn nhằm nâng cao năng lực cán bộ nhân viên quản lý theo hướng mỗi cá nhân cần có năng lực quản lý trực tiếp điều hành một mặt cụ thể của hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tự chịu trách nhiệm về công việc được giao.

Đối với Công nhân:

- Đối với lao động có trình độ, tay nghề cần có biện pháp khuyến khích tạo điều kiện để yên tâm công tác. Đào tạo, hướng dẫn công nhân làm được nhiều việc trong dây chuyền để chủ động trong việc điều hành sản xuất.
- Tiếp tục triển khai bán gạch trên goòng để giảm chi phí khâu ra lò.

#### **Tiền lương:**

- + Tiếp tục điều chỉnh lại định mức lao động, đơn giá tiền lương các loại sản phẩm cho sát với thực tế và xây dựng cơ chế thưởng nhằm khuyến khích lao động.

### **3.7 Công tác tài chính:**

- Giải quyết dứt điểm công tác thu hồi công nợ tồn đọng và các vấn đề tồn tại về tài chính.
- Nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm giá thành, tăng giá trị sản phẩm đầu ra. Tích cực thu hồi công nợ, thanh toán kịp thời cho các khoản vay, nợ.
- Duy trì tiền gửi tại Ngân hàng có lãi cao hơn tăng hiệu quả của phần tài chính dôi dư.
- Quy hoạch sử dụng đất hợp lý, tăng hiệu quả sử dụng nhằm tăng thêm nguồn thu cho Công ty.
- Tìm thêm các đối tác cung ứng vật tư để nâng cao tính cạnh tranh, giảm chi phí đầu vào.
- Thực hiện xong việc thanh lý nhà xưởng tại vị trí gần đường quốc lộ 3.

### **3.8 Hoạt động cho thuê khoán, liên doanh:**

- Đối với các hợp đồng đã ký: duy trì công tác kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thuê khoán thực hiện tốt nghĩa vụ của mình đúng quy định theo hợp đồng.

- Đối với các dự án đầu tư mới: Tìm đối tác để cho thuê, quy hoạch hợp lý trong quá trình đầu tư xây dựng phù hợp với mục đích sử dụng nâng cao được hiệu quả đầu tư.

#### **4. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:**

- Cải tạo, duy tu các công trình và hạ tầng các đơn vị nhằm tiếp tục khai thác vào sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- Đầu tư xây dựng nhà kho vật tư số 2 tại Xí nghiệp Sóc Sơn nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Xí nghiệp Cầu Đuông: Quy hoạch, xây dựng, đầu tư cải tạo nhà kho để tìm hướng khai thác hiệu quả.

#### **5. Công tác quản lý đất đai:**

- Xí nghiệp Cầu Đuông: Tích cực làm việc với cơ quan chức năng để hoàn thiện các trình tự thủ tục để đến giai đoạn ký Hợp đồng thuê đất. Tiếp tục làm việc với cơ quan chức năng xin phép mở cửa khẩu.

Xí nghiệp Sóc Sơn: Thực hiện thuê đo đạc, nộp hồ sơ vào Sở Tài nguyên Môi trường xin gia hạn hợp đồng thuê đất ngay sau khi hết hạn hợp đồng.

### **II . Hoạt động của HĐQT năm 2021 :**

Năm 2021 là năm thứ 3 của nhiệm kỳ 2019-2024.

Bám sát mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Năm 2021 HĐQT họp 09 phiên với các nội dung chính như sau:

- Tổng hợp phân tích kết quả SXKD năm 2020, xây dựng phương hướng SXKD năm 2021.

- Tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- Quy hoạch lại mặt bằng Mai Lâm, Cầu Đuông, Không Nung theo định hướng Đầu tư tài sản hoặc đi thuê tài sản, thuê tài chính để cho thuê. Đã đầu tư làm mới 01 nhà xưởng tại XN Mai Lâm diện tích 756m<sup>2</sup>, làm mới 01 nhà xưởng tại XN Sóc Sơn diện tích 2.346m<sup>2</sup>. Cải tạo nhà xưởng Không nung với diện tích 475m<sup>2</sup>.

- Thanh lý tài sản không có nhu cầu sử dụng tại XN Sóc Sơn lấy mặt bằng đầu tư xây dựng.

- Thanh lý nhà xưởng không có nhu cầu sử dụng gần đường quốc lộ 3.

- Bán 01 lô đất công ty mua tại Hải Phòng từ năm 2011.

- Tiếp tục gia hạn cho thuê 05 năm Xí nghiệp gồm XD Sóc Sơn từ 01/7/2021-30/6/2025.

- Quyết liệt trong triển khai các công việc liên quan đến việc gia hạn hợp đồng thuê đất tại XN Cầu Đuống.

- Triển khai xây khếp kíp toàn bộ diện tích phần đất nội của công ty theo phương án diện tích ao hồ lấp đến đâu sẽ xây tường rào đến đó.

- Làm việc với các cơ quan chức năng xem xét di chuyển dự án xử lý chất thải rắn ra khỏi diện tích đất XN Không Nung để bảo vệ môi trường chung của khu vực.

- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý I, II, III, tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh 2021 và lập kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022.

- Xây dựng Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

**\* Kiểm điểm hoạt động của HĐQT :**

### **1. Những việc đã làm được:**

Năm 2021 HĐQT đã tích cực, chủ động trong việc triển khai nghị quyết của Đại hội cổ đông. Thường xuyên bám sát biến động của nền kinh tế trong nước, kịp thời điều chỉnh kế hoạch nên một số lĩnh vực kinh doanh đã thu được kết quả nhất định, như:

- Lãi từ tiền gửi và góp vốn đầu tư tài chính được 1,135 tỷ đồng.

- Lãi từ thanh lý tài sản gần 1 tỷ đồng.

- Duy trì doanh thu thuê khoán gần như năm trước.

Do đó, vẫn đảm bảo được trả cổ tức cho các cổ đông 8% theo đúng Nghị quyết Đại hội năm 2021 đã đề ra.

### **2. Các mặt chưa làm được:**

Bên cạnh những việc đã đạt được thì năm 2021 cũng có nhiều chỉ tiêu không hoàn thành, đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả SXKD của doanh nghiệp, như:

- Hoạt động SXKD vật liệu xây dựng tại XN Mai Lâm năm 2021 lĩnh bị lỗ gần 3,5 tỷ đồng.

+ Nguyên nhân chính là do dịch bệnh Covid dẫn tới các hợp đồng bán gạch 6 lỗ vào tập đoàn Vin lại Gia Lâm, Bắc Giang, Hưng Yên đều bị dừng thực hiện dẫn tới sản phẩm có hiệu quả kinh tế cao không bán được. Chỉ bán được các sản phẩm đặc lỗ thông thường không có sức cạnh tranh, phải bán rẻ để duy trì sản xuất.

+ Nguyên nhân chủ quan là:

++ Trình độ năng lực của cán bộ nhân viên chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, còn thụ động trong công việc, chưa đề xuất được giải pháp khả thi để giải quyết khó khăn, thúc đẩy sản xuất, mở rộng thị trường, tăng cường tiêu thụ.

++ Công tác kỹ thuật, công nghệ vẫn còn yếu kém: quản lý vật liệu đầu vào còn thiếu chặt chẽ dẫn đến lãng phí chất làm cho vô nỏ, tỷ lệ phế phẩm cao, chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp Mai Lâm.

++ Công tác hạch toán còn hạn chế dẫn đến kết quả kinh doanh từng lĩnh vực chưa phản ánh đúng thực tế, gây khó khăn cho công tác quản trị.

++ Sử dụng nhiều lao động nên chi phí cao, dẫn đến khó cạnh tranh về giá. Đặc biệt trong tình hình cung vượt cầu, các cơ sở tư nhân sẽ hạ giá bán. Nếu công ty hạ giá thì SXKD vật liệu lại tiếp tục rơi vào thua lỗ.

++ Tình trạng thiếu hụt công nhân trực tiếp sản xuất do sản xuất kinh doanh hiệu quả thấp, chưa có điều kiện nâng cao thu nhập vì vậy không tuyển được lao động mới, trong khi lao động cũ ngày càng mai một.

- Công tác Đầu tư xây dựng tài sản bị chậm trễ.

Nguyên nhân một phần do dịch bệnh nên Ban điều hành cân nhắc không đẩy nhanh tiến độ vì đầu tư xong có thể không đưa vào vận hành khai thác được. Mặt khác, việc triển khai hoàn thiện thủ tục hồ sơ thuê đất tại xí nghiệp Cầu Đuống chưa xong dẫn tới khó khăn trong việc xin cấp phép xây dựng tại XN này.

### **III . Định hướng 2022.**

#### **1. Dự báo tình hình:**

- Năm 2022, Luật Đất đai 2013 có thể sẽ được xúc tiến sửa đổi hoàn thành vào tháng 5/2022 như dự kiến sẽ có thể đưa ra quy định cụ thể về hệ số đền bù giá đất nhằm giải quyết vấn đề giải phóng mặt bằng vốn là điểm vướng của nhiều dự án BĐS hiện nay.

Bên cạnh đó, việc xem xét sửa đổi, bổ sung quy định trong Luật Nhà ở 2014 về việc công nhận chủ đầu tư dự án nhà ở thương mại đối với chủ đầu tư có quyền sử dụng đất 100% là đất nông nghiệp hoặc đất phi nông nghiệp không phải là đất ở. Nếu được thông qua sẽ có hàng loạt dự án bất động sản được khởi động, tạo ra khối lượng việc làm rất lớn cho các doanh nghiệp xây dựng

Bên cạnh đó, việc Chính phủ quyết tâm đẩy mạnh đầu tư công cùng những gói hỗ trợ về phục hồi kinh tế, đặc biệt GDP được dự báo tăng 6,5% - 7% trong năm 2022 không chỉ tạo cơ hội cho các dự án đầu tư trong lĩnh vực bất động sản mà còn cả những công trình khác về hạ tầng kỹ thuật, văn hoá, xã hội,... Do đó, ngành xây dựng nói chung, vật liệu xây dựng nói riêng sẽ có cơ hội phát triển.

- Tuy nhiên, thực tế đầu năm nay, do chiến tranh Nga và Ukraine bùng nổ đã ảnh hưởng xấu tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu và làm gia tăng lạm phát, sẽ tạo sức ép cho Việt Nam trong ngắn hạn. Đặc biệt khi ta đang thực hiện hàng loạt các chương trình phục hồi và phát triển kinh tế. Mục tiêu tăng trưởng năm nay là 6-6,5% và kiềm chế lạm phát dưới 4% là thách thức không nhỏ.

Giá xăng dầu hiện tại đã tăng cao kéo theo tăng giá vận chuyển làm cho giá mua nguyên vật liệu đầu vào như than đá, đất... sẽ tăng cao. Cộng thêm sự gián đoạn hoặc chi phí tăng thêm của chuỗi cung ứng sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất, trong đó có ngành sản xuất vật liệu xây dựng...

- Sản phẩm của công ty chủ yếu tập trung bán cho các công trình dân dụng, nhỏ lẻ, trong khi lạm phát diễn ra, giá cả vật liệu leo thang, các công trình này sẽ tạm dừng thực hiện dẫn tới việc tiêu thụ của công ty sẽ gặp khó khăn.

- Cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại trên thị trường vẫn sẽ rất khốc liệt do quá nhiều các doanh nghiệp tư nhân đầu tư xây dựng nhà máy mới, họ có nhiều lợi thế về nguồn nguyên vật liệu, giá thuê đất, công nghệ mới, cơ chế bán hàng linh hoạt....

- Trong khi đó việc mua nguyên liệu đất giá sẽ cao nhưng chất lượng không ổn định lại phải đa dạng hóa sản phẩm, kết hợp với trình độ cán bộ kỹ thuật còn hạn chế sẽ ảnh hưởng chất lượng sản phẩm. Tỷ lệ sản phẩm loại 2 nhiều, giá bán thấp sẽ làm sụt giảm hiệu quả SXKD.

- Năm 2022 sẽ là năm tiếp tục khó khăn trong hoạt động SXKD vật liệu xây dựng và thu hút đầu tư của công ty.

## **2. Định hướng SXKD năm 2022 :**

- Tiếp tục phấn đấu thực hiện KH SXKD đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2019-2024 đã đề ra.

### **2.1 Mục tiêu cụ thể năm 2022:**

- SP sản xuất quy đổi TC : 20,9 triệu viên.
- Doanh thu đạt: 29 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách: 100% theo quy định.
- Thu nhập bình quân 5,5 triệu đồng/người/tháng.
- Lợi nhuận: 3,46 tỷ đồng.
- Cổ tức: 8-10%.

## **2.2 Định hướng SXKD :**

- Công ty khẩn trương hoàn thiện việc gia hạn thuê đất tại XN Cầu Đuống và XN Sóc Sơn trong năm 2022.

- Hoàn thiện quy hoạch các khu đất của công ty, căn cứ mục đích sử dụng đất, tiến hành đầu tư, thuê mua tài chính, thiết bị, tài sản để tự kinh doanh hoặc hợp tác kinh doanh, cho thuê, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế vị trí đất của doanh nghiệp.

- Cải tiến công nghệ tại XN Mai Lâm nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm, sản xuất các loại sản phẩm chất lượng tính cạnh tranh cao, hiệu quả để phát huy tối đa hiệu quả đầu tư và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh cho công ty.

- Tận dụng thị trường phục hồi trong Quý 1/2022 đẩy mạnh xử lý hàng tồn kho đồng thời sản xuất hiệu quả các đơn đặt hàng của các đối tác tin cậy. Tăng cường công tác tiêu thụ sản phẩm theo hướng trực tuyến, chế biến sản phẩm để có thể xuất khẩu. Song hành cùng công tác sản xuất, bán hàng, hợp tác kinh doanh cần đặc biệt chú trọng công tác thu hồi công nợ, thu hồi vốn về Công ty, tạo tiềm lực để hoạt động SXKD một cách hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận.

- Nghiên cứu lựa chọn đầu tư những hướng kinh doanh mới nhằm phát huy lợi thế, tiềm năng của công ty.

## **3. Một số giải pháp cần thực hiện năm 2022:**

Năm 2022 là năm thứ 4 của nhiệm kỳ HĐQT 2019-2024 đề nghị TGD và bộ máy quản lý tập trung quyết liệt hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- *Về hồ sơ đất:* Tích cực liên hệ với cơ quan chức năng để hoàn thành hồ sơ đất đai của khu đất XN Cầu Đuống và XN Sóc Sơn.

- *Về SXKD Vật liệu xây dựng nung:*

+ Tuyển dụng cán bộ quản lý sản xuất công nghệ có trình độ, trả lương theo kết quả, đồng thời nghiên cứu, học tập nâng cao hiệu quả đầu tư đổi mới công nghệ, xây dựng các định mức chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật sát với thực tế sản xuất theo hướng khuyến khích, có lợi cho người lao động hoàn thành nhiệm vụ. Từ khâu thu mua vật liệu đầu vào đến khâu ra lò phải được kiểm soát chặt chẽ để sản xuất ra những sản phẩm tốt, chất lượng cao, hạn chế tối đa phế phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong giai đoạn hiện nay.

+ Mở rộng các kênh tiêu thụ, nghiên cứu kỹ thị trường để đẩy mạnh việc sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm theo nhu cầu thị trường, đảm bảo nguồn lợi nhuận (như gạch 6 lỗ đã thực hiện trong năm 2020). Tiếp tục bám sát các đối tác truyền thống như Tổng Công

ty UDIC, các đối tác nhà cung cấp cho dự án của Vingroup... Kiện toàn lại hệ thống đại lý, xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt và chủ động.

+ Lập kế hoạch truyền thông, củng cố việc quản lý trang Web quảng bá hình ảnh công ty để quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu công ty.

+ Thường xuyên đôn đốc, giao nhiệm vụ thu hồi công nợ, cụ thể có thời hạn đến từng cán bộ quản lý, nhân viên.

+ Thực hiện nghiêm các qui định, nội qui về ATLĐ chống cháy nổ, vệ sinh công nghiệp, đảm bảo vệ sinh môi trường cho công ty, sức khỏe người lao động.

- *Về SXKD Vật liệu xây dựng Không Nung:*

+ Sử dụng gạch tồn kho trong công tác xây dựng cơ bản.

+ Tiếp tục đẩy mạnh việc tiêu thụ hàng tồn kho, thanh lý máy móc thiết bị không có nhu cầu sử dụng, lấy mặt bằng tiến hành đầu tư tài chính.

- *Về Đầu tư tài chính:*

+ Triển khai ngay việc đầu tư xây nhà kho tại XN Mai Lâm và tại XN Sóc Sơn theo tổng mặt bằng quy hoạch, sớm đưa vào vận hành.

+ Tại XN Cầu Đuống, trong thời gian chờ cấp phép, tiến hành ngay việc san lấp mặt bằng các sân bãi, đồng thời tiến hành cải tạo sửa chữa đơn giản các công trình đưa vào SXKD, đảm bảo nguồn thu trong năm 2022.

+ Hoàn thiện dứt điểm các thủ tục thanh lý nhà xưởng tại vị trí gần đường quốc lộ 3.

- *Về hoạt động thuê khoán:*

Tiến hành rà soát lại các hợp đồng thuê khoán sẽ thanh lý trong năm 2022. Nghiên cứu các hình thức hợp tác kinh doanh, cho thuê phù hợp với mục đích thuê đất của công ty và Quy hoạch khu vực, để tiến hành thương thảo ký gia hạn các hoạt động SXKD phù hợp, Thanh lý hợp đồng đối với các Đơn vị bị chính quyền địa phương nhắc nhở hoặc dân cư phản ánh.

Cần tiếp thu kinh nghiệm thực tiễn từ việc thực hiện các hợp đồng cũ để hoàn thiện hợp đồng mới trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, không để thất thoát tài sản của Nhà nước, doanh nghiệp, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa cổ đông và người lao động, đồng thời giữ gìn tốt mối quan hệ với địa phương và cộng đồng dân cư.



## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### A, Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Chức vụ trong công ty	Mối quan hệ với công ty
1	Vũ Đình Trường		Chủ tịch HĐQT	Người đại diện phần vốn của Tổng công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị
2	Trần Minh Quân		Thành viên HĐQT	Người đại diện phần vốn của Tổng công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị
3	Ngô Thành An		Thành viên HĐQT kiêm TGD Công ty	Tổng giám đốc, thành viên HĐQT, người đại diện phần vốn của TCT đầu tư phát triển hạ tầng đô thị
4	Ngô Đức Dũng		Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT
5	Ngô Văn Chăm		Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT

### 2. Ban kiểm soát

#### A, Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Chức vụ trong công ty	Mối quan hệ với Công ty
-----	-----------	----------------------	-----------------------	-------------------------

6	Nguyễn Đức Tuấn		Trưởng BKS	
7	Vũ Thị Dung		TV BKS	
8	Nguyễn Thị Huệ		TV BKS	

*B, Hoạt động của Ban kiểm soát*

**A/ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD, HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỦA  
CÔNG TY NĂM 2021**

Căn cứ báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021. Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, đánh giá các báo cáo sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty CP Cầu Đuống, Kết quả kiểm tra cụ thể:

## Biểu 01a – So sánh kết quả kinh doanh kế hoạch và thực hiện năm 2021

ĐVT: Đồng

TT	Đơn vị	Doanh thu	Chi phí	Lãi lỗ 2021 kế hoạch điều chỉnh	Lãi lỗ thực hiện 2021	So sánh	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Xí nghiệp Mai Lâm</b>	<b>9,658,780,920</b>	<b>11,485,934,596</b>	<b>1,827,153,676</b>	<b>2,760,122,175</b>	<b>151.1%</b>	
a	Sản xuất VLXD	8,326,726,920	10,929,435,400	2,602,708,480	3,499,422,559	134.5%	
b	Liên doanh liên kết, cho thuê	1,332,054,000	556,499,196	775,554,804	739,300,384	95.3%	
<b>2</b>	<b>Xí nghiệp Không Nung</b>	<b>2,155,593,700</b>	<b>1,742,576,545</b>	<b>413,017,155</b>	<b>583,916,516</b>	<b>141.4%</b>	
a	Sản xuất VLXD	177,383,700	366,521,532	-189,137,832	-82,804,207	43.8%	
b	Liên doanh liên kết, cho thuê	1,978,210,000	1,376,055,013	602,154,987	666,720,723	110.7%	
<b>3</b>	<b>Xí nghiệp Sóc Sơn</b>	<b>3,313,409,091</b>	<b>1,748,779,520</b>	<b>1,564,629,571</b>	<b>2,124,615,092</b>	<b>135.8%</b>	
	Thuê khoán	2,312,500,000	1,329,628,666	982,871,334	1,542,856,855	157.0%	
	Thanh lý tài sản	1,000,909,091	419,150,854	581,758,237	581,758,237	100.0%	
<b>4</b>	<b>Xí nghiệp Cầu Đuống</b>	<b>1,755,000,000</b>	<b>1,693,337,766</b>	<b>61,662,234</b>	<b>1,214,484,297</b>	<b>1969.6%</b>	
	Thuê khoán	1,755,000,000	1,693,337,766	61,662,234	872,090,700	1414.3%	
	Thanh lý tài sản				342,393,597		
<b>5</b>	<b>Thuê, hoạt động khác</b>	<b>3,900,836,000</b>	<b>2,685,974,206</b>	<b>1,214,861,794</b>	<b>1,031,932,708</b>	<b>84.9%</b>	
<b>6</b>	<b>Đầu tư tài chính</b>	<b>750,000,000</b>		<b>750,000,000</b>	<b>1,135,682,971</b>	<b>151.4%</b>	
	<b>Tổng cộng (trước thuế TNDN)</b>	<b>21,533,619,711</b>	<b>19,356,602,633</b>	<b>2,177,017,078</b>	<b>3,330,509,409</b>	<b>153.0%</b>	

Biểu số liệu trên cho thấy, lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2021 đạt 3,3 tỷ đồng tăng 153% so với kế hoạch (lợi nhuận kế hoạch là 2,1 đồng) chứng tỏ công ty đã hoàn thành vượt mục tiêu lợi nhuận ban điều hành đã đề ra đầu năm.

**Biểu số 01b – Phân tích tóm tắt tình hình tài chính 2021**  
(kèm theo báo cáo kiểm soát tài chính năm 2021)

CƠ CẤU TÀI SẢN – NGUỒN VỐN		Kỳ phân tích	Kỳ gốc	% Tổng TS	Kỳ phân tích	% Tổng TS	Biến động (±) Q4/2021- Q4/2020	(±) %
TT	Tên chỉ tiêu	Năm	2020		2021			
		Quý	Q4		Q4			
5	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	32,023,093,960	55%	35,726,185,834	63%	3,703,091,874	12%
260	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	25,701,327,884	45%	21,317,853,725	37%	(4,383,474,159)	-17%
520	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270	57,724,421,844	100%	57,044,039,559	100%	(680,382,285)	-1%
<b>525</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>							
530	A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	10,782,246,067	19%	11,058,543,869	19%	276,297,802	3%
795	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	46,942,175,777	81%	45,985,495,690	81%	(956,680,087)	-2%
910	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	57,724,421,844	100%	57,044,039,559	100%	(680,382,285)	-1%

KPI	Chỉ số tiền mặt	CIR	Khả năng thanh toán lãi vay	TIER	Khả năng thanh toán nhanh	QR
2018		0.09		27.88		☆ 0.56
2019		0.22		32.75		☆ 1.31
2020		0.15		35.54		☆ 1.42
2021		0.23		8.93		☆ 1.69
2022		-		-		☆ -
2021	Q1	-		-		☆ -
	Q2	-		-		☆ -
	Q3	-		-		☆ -
	Q4		0.23		8.93	

Vòng quay hàng tồn kho	140	Vòng quay tổng tài sản (Tổng vốn)	270	Vòng quay vốn CSH (Vốn CP)	410	ROA	ROE
	0.92		0.42		0.59	5.56%	10.73%
	1.98		0.68		0.84	3.98%	6.47%
	1.52		0.54		0.67	7.95%	13.25%
	1.05		0.40		0.50	5.01%	8.25%
-	-	-	-	-	-	0.00%	0.00%
-	-	-	-	-	-	0.00%	0.00%
-	-	-	-	-	-	0.00%	0.00%
	1.05		0.40		0.50	5.01%	8.25%

**Biểu số 02 – Phân tích biến động bảng cân đối kế toán  
(Kèm theo Báo cáo hoạt động kiểm soát năm 2021)**

CÔNG TY CP CẦU ĐUỐNG		BẢN PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG & TĂNG TRƯỞNG KINH DOANH GIỮA HAI KỲ								
BÁO CÁO PHÂN TÍCH CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHI TIẾT		Kỳ phân tích	Kỳ gốc	% Tổng TS	% thành phần	Kỳ phân tích	% Tổng TS	% thành phần	Biến động (±)	(±) %
TT	Tên chỉ tiêu	Năm	2020			2021			Q4/2021-Q4/2020	
<b>5</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>	<b>32,023,093,960</b>	<b>55%</b>	<b>100%</b>	<b>35,726,185,834</b>	<b>63%</b>	<b>100%</b>	<b>3,703,091,874</b>	<b>12%</b>
<b>10</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1,540,726,050</b>	<b>3%</b>	<b>5%</b>	<b>2,308,195,749</b>	<b>4%</b>	<b>6%</b>	<b>767,469,699</b>	<b>50%</b>
15	1. Tiền	111	1,540,726,050		100%	2,308,195,749		100%	767,469,699	50%
35	2. Các khoản tương đương tiền	112	-		0%	-		0%	-	0%
<b>50</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>13,000,000,000</b>	<b>23%</b>	<b>41%</b>	<b>15,000,000,000</b>	<b>26%</b>	<b>42%</b>	<b>2,000,000,000</b>	<b>15%</b>
55	1. Chứng khoán kinh doanh	121	-		0%	-		0%	-	0%
60	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	-		0%	-		0%	-	0%
65	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	13,000,000,000		100%	15,000,000,000		100%	2,000,000,000	15%
<b>85</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>4,167,358,647</b>	<b>7%</b>	<b>13%</b>	<b>3,724,972,781</b>	<b>7%</b>	<b>10%</b>	<b>(442,385,866)</b>	<b>-11%</b>
90	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3,387,961,154		81%	3,088,586,980		83%	(299,374,174)	-9%
95	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	157,500,000		4%	61,785,000		2%	(95,715,000)	-61%

CÔNG TY CP CẦU ĐUỐNG		BẢN PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG & TĂNG TRƯỞNG KINH DOANH GIỮA HAI KỲ								
BÁO CÁO PHÂN TÍCH CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHI TIẾT		Kỳ phân tích	Kỳ gốc	% Tổng TS	% thành phần	Kỳ phân tích	% Tổng TS	% thành phần	Biến động (±)	(±) %
TT	Tên chỉ tiêu	Năm	2020			2021			Q4/2021-Q4/2020	
100	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-		0%	-		0%	-	0%
120	4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134	-		0%	-		0%	-	0%
125	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-		0%	-		0%	-	0%
130	6. Các khoản phải thu khác	136	705,974,931		17%	658,678,239		18%	(47,296,692)	-7%
165	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(84,077,438)		-2%	(84,077,438)		-2%	-	0%
170	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-		0%	-		0%	-	0%
<b>175</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>13,095,160,137</b>	<b>23%</b>	<b>41%</b>	<b>14,119,336,130</b>	<b>25%</b>	<b>40%</b>	<b>1,024,175,993</b>	<b>8%</b>
180	1. Hàng tồn kho	141	13,482,121,446		103%	14,334,096,160		102%	851,974,714	6%
225	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(386,961,309)		-3%	(214,760,030)		-2%	172,201,279	-45%
<b>230</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>219,849,126</b>	<b>0%</b>	<b>1%</b>	<b>573,681,174</b>	<b>1%</b>	<b>2%</b>	<b>353,832,048</b>	<b>161%</b>
235	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-		0%	-		0%	-	0%
240	2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	219,849,126		100%	254,866,851		44%	35,017,725	16%
245	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	-		0%	318,814,323		56%	318,814,323	0%

CÔNG TY CP CẦU ĐUỐNG		BẢN PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG & TĂNG TRƯỞNG KINH DOANH GIỮA HAI KỲ								
BÁO CÁO PHÂN TÍCH CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHI TIẾT		Kỳ phân tích	Kỳ gốc	% Tổng TS	% thành phần	Kỳ phân tích	% Tổng TS	% thành phần	Biến động (±)	(±) %
TT	Tên chỉ tiêu	Năm	2020			2021			Q4/2021-Q4/2020	
250	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-		0%	-		0%	-	0%
255	5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-		0%	-		0%	-	0%
<b>260</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>	<b>25,701,327,884</b>	<b>45%</b>	<b>100%</b>	<b>21,317,853,725</b>	<b>37%</b>	<b>100%</b>	<b>(4,383,474,159)</b>	<b>-17%</b>
<b>265</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>4,306,660,000</b>	<b>7%</b>	<b>17%</b>	<b>1,424,250,000</b>	<b>2%</b>	<b>7%</b>	<b>(2,882,410,000)</b>	<b>-67%</b>
270	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-		0%	-		0%	-	0%
275	2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-		0%	-		0%	-	0%
280	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-		0%	-		0%	-	0%
285	4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	-		0%	-		0%	-	0%
305	5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-		0%	-		0%	-	0%
310	6. Phải thu dài hạn khác	216	<b>4,306,660,000</b>		100%	<b>1,424,250,000</b>		100%	(2,882,410,000)	-67%
345	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-		0%	-		0%	-	0%
<b>350</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>17,921,344,872</b>	<b>31%</b>	<b>70%</b>	<b>19,535,587,890</b>	<b>34%</b>	<b>92%</b>	<b>1,614,243,018</b>	<b>9%</b>
355	1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>17,921,344,872</b>		100%	<b>19,535,587,890</b>		100%	1,614,243,018	9%



CÔNG TY CP CẦU ĐUỐNG		BẢN PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG & TĂNG TRƯỞNG KINH DOANH GIỮA HAI KỲ								
BÁO CÁO PHÂN TÍCH CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHI TIẾT		Kỳ phân tích	Kỳ gốc	% Tổng TS	% thành phần	Kỳ phân tích	% Tổng TS	% thành phần	Biến động (±)	(±) %
TT	Tên chỉ tiêu	Năm	2020			2021			Q4/2021-Q4/2020	
360	- Nguyên giá	222	76,179,615,418			73,257,705,176			(2,921,910,242)	-4%
365	- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(58,258,270,546)			(53,722,117,286)			4,536,153,260	-8%
370	2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-		0%	-		0%	-	0%
375	- Nguyên giá	225	-			-			-	0%
380	- Giá trị hao mòn lũy kế	226	-			-			-	0%
385	3. TSCĐ vô hình	227	-		0%	-		0%	-	0%
390	- Nguyên giá	228	-			-			-	0%
395	- Giá trị hao mòn lũy kế	229	-			-			-	0%
<b>400</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>2,656,363,636</b>	<b>5%</b>	<b>10%</b>	<b>-</b>	<b>0%</b>	<b>0%</b>	<b>(2,656,363,636)</b>	<b>-100%</b>
405	- Nguyên giá	231	2,656,363,636			-			(2,656,363,636)	-100%
410	- Giá trị hao mòn lũy kế	232	-			-			-	0%
<b>415</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>-</b>	<b>0%</b>	<b>0%</b>	<b>-</b>	<b>0%</b>	<b>0%</b>	<b>-</b>	<b>0%</b>
420	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-		0%	-		0%	-	0%
435	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-		0%	-		0%	-	0%

CÔNG TY CP CẦU ĐUỐNG		BẢN PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG & TĂNG TRƯỞNG KINH DOANH GIỮA HAI KỲ								
BÁO CÁO PHÂN TÍCH CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHI TIẾT		Kỳ phân tích	Kỳ gốc	% Tổng TS	% thành phần	Kỳ phân tích	% Tổng TS	% thành phần	Biến động (±)	(±) %
TT	Tên chỉ tiêu	Năm	2020			2021			Q4/2021- Q4/2020	
<b>440</b>	<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	-	<b>0%</b>	<b>0%</b>	-	<b>0%</b>	<b>0%</b>	-	<b>0%</b>
445	1. Đầu tư vào công ty con	251	-		0%	-		0%	-	0%
450	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-		0%	-		0%	-	0%
455	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-		0%	-		0%	-	0%
460	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	-		0%	-		0%	-	0%
465	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-		0%	-		0%	-	0%
<b>485</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>816,959,376</b>	<b>1%</b>	<b>3%</b>	<b>358,015,835</b>	<b>1%</b>	<b>2%</b>	<b>(458,943,541)</b>	<b>-56%</b>
490	1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>816,959,376</b>		100%	<b>358,015,835</b>		100%	(458,943,541)	-56%
495	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	-		0%	-		0%	-	0%
500	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-		0%	-		0%	-	0%
515	4. Tài sản dài hạn khác	268	-		0%	-		0%	-	0%
<b>520</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>	<b>57,724,421,844</b>	<b>100%</b>		<b>57,044,039,559</b>	<b>100%</b>		<b>(680,382,285)</b>	<b>-1%</b>
<b>525</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>									
<b>530</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>	<b>10,782,246,067</b>	<b>19%</b>	<b>100%</b>	<b>11,058,543,869</b>	<b>19%</b>	<b>100%</b>	<b>276,297,802</b>	<b>3%</b>

CÔNG TY CP CẦU ĐUỐNG		BẢN PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG & TĂNG TRƯỞNG KINH DOANH GIỮA HAI KỲ								
BÁO CÁO PHÂN TÍCH CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHI TIẾT		Kỳ phân tích	Kỳ gốc	% Tổng TS	% thành phần	Kỳ phân tích	% Tổng TS	% thành phần	Biến động (±)	(±) %
TT	Tên chỉ tiêu	Năm	2020			2021			Q4/2021-Q4/2020	
535	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310	<b>10,262,926,067</b>	<b>18%</b>	<b>95%</b>	<b>10,237,018,369</b>	<b>18%</b>	<b>93%</b>	<b>(25,907,698)</b>	<b>0%</b>
540	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	<b>1,367,293,363</b>		13%	<b>544,041,186</b>		5%	(823,252,177)	-60%
545	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	<b>12,492,560</b>		0%	<b>64,383,941</b>		1%	51,891,381	415%
550	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	<b>379,039,356</b>		4%	<b>482,685,099</b>		5%	103,645,743	27%
555	4. Phải trả người lao động	314	<b>932,140,700</b>		9%	<b>720,233,633</b>		7%	(211,907,067)	-23%
560	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	<b>54,475,934</b>		1%	<b>50,441,733</b>		0%	(4,034,201)	-7%
565	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-		0%	-		0%	-	0%
585	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317	-		0%	-		0%	-	0%
590	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	<b>194,800,000</b>		2%	<b>214,929,080</b>		2%	20,129,080	10%
595	9. Phải trả ngắn hạn khác	319	<b>2,501,154,266</b>		24%	<b>5,295,585,597</b>		52%	2,794,431,331	112%
645	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	<b>4,782,456,415</b>		47%	<b>2,842,155,740</b>		28%	(1,940,300,675)	-41%
660	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-		0%	-		0%	-	0%
665	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	<b>39,073,473</b>		0%	<b>22,562,360</b>		0%	(16,511,113)	-42%

CÔNG TY CP CẦU ĐUỐNG		BẢN PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG & TĂNG TRƯỞNG KINH DOANH GIỮA HAI KỲ								
BÁO CÁO PHÂN TÍCH CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHI TIẾT		Kỳ phân tích	Kỳ gốc	% Tổng TS	% thành phần	Kỳ phân tích	% Tổng TS	% thành phần	Biến động (±)	(±) %
TT	Tên chỉ tiêu	Năm	2020			2021			Q4/2021- Q4/2020	
670	13. Quỹ bình ổn giá	323	-		0%	-		0%	-	0%
675	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	-		0%	-		0%	-	0%
<b>680</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>519,320,000</b>	<b>1%</b>	<b>5%</b>	<b>821,525,500</b>	<b>1%</b>	<b>7%</b>	<b>302,205,500</b>	<b>58%</b>
685	1. Phải trả người bán dài hạn	331	-		0%	-		0%	-	0%
690	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-		0%	-		0%	-	0%
695	3. Chi phí phải trả dài hạn	333	-		0%	-		0%	-	0%
700	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-		0%	-		0%	-	0%
705	5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	-		0%	-		0%	-	0%
725	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-		0%	-		0%	-	0%
730	7. Phải trả dài hạn khác	337	<b>519,320,000</b>		100%	<b>821,525,500</b>		100%	302,205,500	58%
745	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	-		0%	-		0%	-	0%
770	9. Trái phiếu chuyển đổi	339	-		0%	-		0%	-	0%
775	10. Cổ phiếu ưu đãi	340	-		0%	-		0%	-	0%

CÔNG TY CP CẦU ĐUỐNG		BẢN PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG & TĂNG TRƯỞNG KINH DOANH GIỮA HAI KỲ								
BÁO CÁO PHÂN TÍCH CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHI TIẾT		Kỳ phân tích	Kỳ gốc	% Tổng TS	% thành phần	Kỳ phân tích	% Tổng TS	% thành phần	Biến động (±)	(±) %
TT	Tên chỉ tiêu	Năm	2020			2021			Q4/2021- Q4/2020	
780	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-		0%	-		0%	-	0%
785	12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-		0%	-		0%	-	0%
790	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-		0%	-		0%	-	0%
<b>795</b>	<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	<b>46,942,175,777</b>	<b>81%</b>	<b>100%</b>	<b>45,985,495,690</b>	<b>81%</b>	<b>100%</b>	<b>(956,680,087)</b>	<b>-2%</b>
<b>800</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>46,742,175,777</b>	<b>81%</b>	<b>100%</b>	<b>45,785,495,690</b>	<b>80%</b>	<b>100%</b>	<b>(956,680,087)</b>	<b>-2%</b>
805	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	34,649,950,000		74%	34,649,950,000		76%	-	0%
810	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	34,649,950,000		74%	34,649,950,000		76%	-	0%
815	- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-		0%	-		0%	-	0%
820	2. Thặng dư vốn cổ phần	412	769,975,000		2%	769,975,000		2%	-	0%
825	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-		0%	-		0%	-	0%
830	4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-		0%	-		0%	-	0%
835	5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	(840,000)		0%	(840,000)		0%	-	0%
840	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-		0%	-		0%	-	0%

CÔNG TY CP CẦU ĐUỐNG		BẢN PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG & TĂNG TRƯỞNG KINH DOANH GIỮA HAI KỲ								
BÁO CÁO PHÂN TÍCH CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHI TIẾT		Kỳ phân tích	Kỳ gốc	% Tổng TS	% thành phần	Kỳ phân tích	% Tổng TS	% thành phần	Biến động (±)	(±) %
TT	Tên chỉ tiêu	Năm	2020			2021			Q4/2021-Q4/2020	
845	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-		0%	-		0%	-	0%
850	8. Quỹ đầu tư phát triển	418	6,733,129,717		14%	6,733,129,717		15%	-	0%
855	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-		0%	-		0%	-	0%
860	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-		0%	-		0%	-	0%
865	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	4,589,961,060		10%	3,633,280,973		8%	(956,680,087)	-21%
870	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	-		0%	775,050,060		2%	775,050,060	0%
875	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	4,589,961,060		10%	2,858,230,913		6%	(1,731,730,147)	-38%
880	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-		0%	-		0%	-	0%
<b>885</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>200,000,000</b>	<b>0%</b>	<b>0%</b>	<b>200,000,000</b>	<b>0%</b>	<b>0%</b>	<b>-</b>	<b>0%</b>
890	1. Nguồn kinh phí	431	200,000,000		100%	200,000,000		100%	-	0%
905	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-		0%	-		0%	-	0%
<b>910</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>	<b>57,724,421,844</b>	<b>100%</b>		<b>57,044,039,559</b>	<b>100%</b>		<b>(680,382,285)</b>	<b>-1%</b>

## Biểu 03 – Phân tích biến động và tăng trưởng kinh doanh

(kèm theo báo cáo kiểm soát tài chính năm 2021)

CÔNG TY CP CẦU ĐUÔNG		BẢN PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG & TĂNG TRƯỞNG KINH DOANH GIỮA HAI KỲ								
PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH		Phân tích, so sánh biến động giữa hai kỳ liên tiếp hoặc 2 kỳ chọn để đánh giá						ĐVT	Triệu VND	
		Kỳ PT	Kỳ gốc	% so với doanh thu thuần	Tỷ trong chi phí	Kỳ phân tích	% so với doanh thu thuần	Tỷ trong chi phí	Biến động (±)	(±) %
TT	Chỉ tiêu kết quả kinh doanh	Q uý	2020			2021			Q4/2021- Q4/2020	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31,382,404,050	100%		22,791,130,723	100%		(8,591,273,327)	-27%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	0%		-	0%		-	0%
3	<i>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	10	31,382,404,050	100%		22,791,130,723	100%		(8,591,273,327)	-27%
4	<i>Giá vốn hàng bán</i>	11	19,867,270,032	63%	73.27%	14,892,424,112	65%	68.16%	(4,974,845,920)	-25%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	11,515,134,018	37%		7,898,706,611	35%		(3,616,427,407)	-31%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,042,319,530	3%		1,465,840,342	6%		423,520,812	41%
7	Chi phí tài chính	22	154,613,833	0%	0.57%	421,066,462	2%	1.93%	266,452,629	172%
	<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	154,613,833	0%	0.57%	420,249,972	2%	1.92%	265,636,139	172%
8	Chi phí bán hàng	24	584,959,609	2%	2.16%	280,331,701	1%	1.28%	(304,627,908)	-52%

**CÔNG TY CP CẦU ĐUỐNG**

**BẢN PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG & TĂNG TRƯỞNG KINH DOANH GIỮA HAI KỲ**

PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH		Phân tích, so sánh biến động giữa hai kỳ liên tiếp hoặc 2 kỳ chọn để đánh giá							ĐVT	Triệu VND
		Kỳ PT	Kỳ gốc	% so với doanh thu thuần	Tỷ trong chi phí	Kỳ phân tích	% so với doanh thu thuần	Tỷ trong chi phí	Biến động (±)	(±) %
TT	Chỉ tiêu kết quả kinh doanh	Quý	2020			2021			Q4/2021-Q4/2020	
9	Chi phí quản lý kinh doanh	25	6,491,277,011	21%	23.94%	6,213,882,796	27%	28.44%	(277,394,215)	-4%
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	5,326,603,095	17%		2,449,265,994	11%		(2,877,337,101)	-54%
11	Thu nhập khác	31	32,458,202	0%		924,151,834	4%		891,693,632	2747%
12	Chi phí khác	32	18,831,656	0%	0.07%	42,908,419	0%	0%	24,076,763	128%
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	13,626,546	0%		881,243,415	4%		867,616,869	6367%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	5,340,229,641	17%		3,330,509,409	15%		(2,009,720,232)	-38%
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	750,268,581	2%		472,278,496	2%		(277,990,085)	-37%
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	0%		-	0%		-	0%
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	4,589,961,060	15%		2,858,230,913	13%		(1,731,730,147)	-38%
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	70	-	0%		-	0%		-	0%



PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH		Phân tích, so sánh biến động giữa hai kỳ liên tiếp hoặc 2 kỳ chọn để đánh giá						ĐVT	Triệu VND	
		Kỳ PT	Kỳ gốc	% so với doanh thu thuần	Tỷ trong chi phí	Kỳ phân tích	% so với doanh thu thuần	Tỷ trong chi phí	Biến động (±)	(±) %
TT	Chỉ tiêu kết quả kinh doanh	Q úy	2020			2021			Q4/2021-Q4/2020	
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	-	0%		-	0%		-	0%
<b>TỔNG CHI PHÍ</b>			<b>27,116,952,141</b>	<b>86%</b>	<b>100%</b>	<b>21,850,613,490</b>	<b>96%</b>	<b>100%</b>	<b>(5,266,338,651)</b>	<b>-19%</b>

## **Nhận xét, phân tích hoạt động tài chính và kết quả kinh doanh năm 2021:**

### **A – Phân tích Bảng cân đối kế toán**

#### **I – Đánh giá quy mô vốn**

Quy mô vốn giảm 1% tương ứng tăng 680 triệu do trong năm công ty đã giảm tài sản là do công ty bán bất động sản đầu tư Hải Phòng mua từ 2011.

#### **II – Phân tích sự biến động cơ cấu tài sản, nguồn vốn**

Cơ cấu tài sản: cuối năm so với đầu năm, tỷ trọng tài sản ngắn hạn > tỷ trọng tài sản là khá phù hợp với ngành nghề kinh doanh của DN. Tỷ trọng Tái sản ngắn hạn tăng 12% tương ứng tỷ trọng tài sản dài hạn giảm 12%

#### **III- Hệ số nợ**

Hệ số nợ (Tổng nợ phải trả / tổng nguồn vốn) vẫn giữ 19% chứng tỏ khả năng tự tài trợ đã được đảm bảo. Tỷ lệ nợ phải trả /nợ phải thu hơn 1 chứng tỏ doanh nghiệp đi chiếm dụng vốn

#### **IV - Đánh giá khả năng thanh toán và sự biến động**

1. Chỉ số tiền mặt tăng từ 0,15 lên 0,23 nhưng vẫn nhỏ hơn 0,65 chứng tỏ để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Trong thời gian tới công ty phải dựa vào dòng tiền trong năm tới
2. Khả năng thanh toán lãi vay giảm từ 35,54 xuống 8,93
3. Khả năng thanh toán nhanh tăng từ 1,42 lên 1,69. Chứng tỏ doanh nghiệp đã cải thiện khả năng thanh các khoản nợ ngắn hạn.

#### **V – Đánh giá khả năng sinh lời**

1. Khả năng sinh lời (ROE) giảm từ 13,25 xuống 8,25 do lợi nhuận sau thuế giảm xuống, ROE lớn hơn lãi ngân hàng chứng tỏ khả năng sử dụng vốn tốt.
2. Khả năng sinh lời của tài sản ROA giảm từ 7,98 xuống 5,01 chứng tỏ hiệu quả sử dụng tài sản giảm.

#### **VI – Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn**

1. Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 1,52 xuống 1,05 (Bị đọng hàng tồn kho nhiều)
2. Vòng quay tổng tài sản giảm 0,54 xuống 0,4

#### **VII – Tình hình nợ phải thu**

Nợ phải thu ngắn hạn giảm 11% và nợ phải thu dài hạn giảm từ 4,3 tỷ xuống còn 2,9 tỷ được đánh giá là tốt.

## **VIII – Quản lý Tài sản cố định, công cụ dụng cụ**

Trong danh mục Tài sản cố định công ty đang ghi nhận 1 số khoản mục không rõ tên tài sản. Cụ thể:

Tại sổ theo dõi TSCĐ của XN Sóc Sơn:

- Tên tài sản là phần phát sinh nguyên giá là 94.314.123 đồng;
- Tên TS là chi phí khác, nguyên giá là 3.020.023.495 đồng;
- Tên TS chạy thử máy, nguyên giá 39.440.600 đồng.

Tại sổ TSCĐ của XN vật liệu không nung

- Tên TS là lãi vay xây dựng, CP quản lý, nguyên giá 338.270.023; tên tài sản XNKN là 117.876.045 đồng.

Đề nghị công ty phân loại và hệ thống lại chính xác tên tài sản để thuận tiện cho công tác kiểm kê và xác định giá trị tài sản khi kiểm kê.

## **B – Phân tích Kết quả kinh doanh**

- Doanh thu giảm từ 31,3 tỷ xuống còn 22,7 tỷ tương ứng 27%. Nhưng tỷ lệ của giá vốn giảm chậm hơn tỷ lệ giảm của doanh thu làm cho lợi nhuận gộp giảm 31%. Đồng thời chi phí tài chính tăng từ 154 triệu lên 421 triệu tăng 172% do công ty hạch toán bổ sung khoản lãi vay mua bất động sản Hải Phòng từ năm 2011. Khoản chi phí lãi vay này từ năm 2011 đến năm 2020, công ty đang treo trên tài khoản chi phí trả trước dài hạn là chưa hợp lý và chưa phản ánh đúng kết quả kinh doanh các năm.
- Chí phí bán hàng giảm từ 584tr còn 280tr tương ứng giảm 52%
- Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng giảm 4% nên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm 54%. Điều này chứng tỏ trong năm 2021 công ty đã quản lý chi phí chưa tốt, đặc biệt là chi phí tài chính, chi phí giá vốn nên lợi nhuận kinh doanh sụt giảm mạnh.
- Trong năm 2021, thu nhập khác của công ty tăng từ 32 triệu lên 924 triệu, chi phí khác tăng 128% khiến lợi nhuận khác tăng đột biến từ 13 triệu lên 881 triệu tương ứng tỉ lệ tăng 6367% nguyên nhân là do bán thanh lý công cụ dụng cụ. Tuy nhiên lợi nhuận này không phải là lợi nhuận từ hoạt động lõi, nên công ty cần thúc đẩy doanh số, sử dụng tối ưu chi phí cho các năm tiếp theo để tăng lợi nhuận kinh doanh.

## **B/ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH TRONG QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH VÀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHCĐ NĂM 2021:**

Năm 2021. Lại thêm một năm nối tiếp rất khó khăn so với năm 2019- 2020 khi tình hình dịch bệnh CoV-19 bùng phát trên cả nước. Sản xuất, thương mại, lưu thông...bị đình trệ do phong tỏa ngăn dịch. Riêng với Công ty; thời gian sản xuất năm 2021 chỉ đạt 7 tháng. doanh thu từ gạch và thuê khoán giảm đáng kể. Để thích ứng với những khó khăn của năm 2021, HĐQT đã đưa ra nhiều biện pháp và chỉ đạo cho Ban điều hành trong công tác quản lý - điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả đạt được và những hạn chế như sau:

**- Sản xuất vật liệu xây dựng:**

- Sản lượng sản xuất QTC đạt 11.114.440 triệu viên bằng 105,1% so với KH( đã điều chỉnh) và bằng 54,6% so với 2020. trong đó, đã tăng tỉ lệ sản phẩm có giá trị cao như: gạch không trát, gạch lát và ngói lên 5,6%

Hạn chế: chất lượng sản phẩm vẫn chưa thực sự ổn định, tỉ lệ phế phẩm, vẫn còn cao ...Nguyên nhân là do; nguồn nguyên liệu đất không ổn định, chất lượng thấp, lẫn nhiều tạp chất và bên cạnh đó là khâu quản lý, kiểm soát quy trình công nghệ còn yếu và chưa triệt để, kế hoạch sản xuất và cơ cấu nung đốt sản phẩm chưa tương thích.

- **Tiêu thụ:** Sản lượng tiêu thụ QTC đạt 10,314 triệu viên bằng 92,8% sản lượng sản xuất. Lượng tồn kho vẫn ở mức cao và tăng lên 7,8 triệu viên. Như vậy, phần lớn lượng tiêu thụ là sản lượng sản xuất của năm 2021, số lượng tồn của năm 2020 và những năm trước vẫn giữ nguyên. Điều này sẽ dẫn tới phẩm cấp sản phẩm sẽ xuống cấp, phế phẩm cao.

Hạn chế: Công ty chưa đưa được sản phẩm vào các công trình lớn, chưa trực tiếp làm việc với các nhà thầu hoặc chủ đầu tư. Giá bán bị áp lực cạnh tranh mặc dù đã giảm giá nhưng vẫn còn cao hơn so với các đơn vị khác.

- **Hoạt động thuê khoán:** Là lĩnh vực chính đem lại lợi nhuận cho Công ty và cổ tức cho các cổ đông.

Tại 5 khu đất mà Công ty đang quản lý vẫn đang hoạt động rất có hiệu quả.

Xây dựng mới 01 nhà kho diện tích :756 m<sup>2</sup> tại Mai Lâm

Thanh lý một số dây chuyền sản xuất không sử dụng tại Sóc Sơn và nhà xưởng tại mặt đường quốc lộ 3( trên phần đất là lối đi cũ của Công ty).

Doanh thu từ hoạt động này đạt 17,4 tỷ đồng bằng 141,7% KH, đem lại lợi nhuận cho Công ty là 5,78 tỉ đồng

- **Giải quyết hồ sơ đất:** đã hoàn thành việc phê duyệt đơn giá thuê đất tại Cầu Đuống và ký phụ lục hợp đồng thuê đất ( xí nghiệp cơ khí- xã Mai Lâm).Hợp đồng thuê đất tại Mai Lâm (xí nghiệp cơ khí có thời hạn từng năm một)

Hạn chế: do tình hình dịch bệnh và phong tỏa của Thành phố nên tiến độ triển khai theo Nghị quyết ĐHCĐ và HĐQT trong Hồ sơ đất và xây dựng còn chậm.

**\* Kiến nghị: năm 2022**

- Tập trung tìm kiếm khách hàng và đón bắt nhu cầu về chủng loại sản phẩm mà khách hàng quan tâm.

- Xây dựng cơ chế bán hàng bám sát nhóm đối tượng là nhà thầu và chủ đầu tư.

- Xây dựng quy chế trách nhiệm cho toàn Công ty; đặc biệt là bộ phận quản lý .

- Kiểm soát chặt chẽ và có sàng lọc chất lượng đất nguyên liệu nhập kho.

- Tiếp tục hoàn thiện quy hoạch mặt bằng tại Mai Lâm nhằm tận dụng mặt bằng làm kho – xưởng cho thuê.

- Lập phương án kinh doanh tại xí nghiệp Cầu Đuống.

- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục về thuê đất và nghiên cứu bổ xung thêm mục đích sử dụng đất trong các Hợp đồng thuê mới, phù hợp với điều kiện của Công ty.

**C/THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT NĂM 2022 CỦA BAN KIỂM SOÁT:**

- Kiểm tra, rà soát báo cáo tài chính của năm (2 kỳ).
- Kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT, ban giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty
- Định kỳ kiểm tra việc thực hiện hoạt động thuê khoán của các đơn vị đối tác của Công ty (4 kỳ)

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

A, Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Trong năm công ty trả cho lương, thù lao và phúc lợi khác là: 406.944.447VNĐ

B, Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có

C, Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không có

D, Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: chấp nhận toàn phần

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**  
**THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HẠNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL**  
Chuyên nghiệp. Kiểm toán. Định giá. Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐƯƠNG**  
Số 100 Đường Cầu Đương, Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: 024 32 570 494 | Fax: 024 32 570 494  
Website: www.cauduong.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐƯƠNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Tòa số 40/406, Tầng 11 Tòa Hòa Bình cũ  
Số 100 Đường Cầu Đương, Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: 024 32 570 494 | Fax: 024 32 570 494  
Website: www.cauduong.com.vn

Chi nhánh: Số 170 Nguyễn Huy Tưởng  
Hà Nội, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội  
ĐT: 024 6284 1175/232 3818 Fax: 024 6284 1118



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**  
**THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL**  
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 31



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cầu Đuông (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Vũ Đình Trường	Chủ tịch
Ông Ngô Đức Dũng	Thành viên
Ông Trần Minh Quân	Thành viên
Ông Ngô Văn Chăm	Thành viên
Ông Ngô Thành An	Thành viên

#### Ban Tổng giám đốc

Ông Ngô Thành An	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Tiến Đạt	Phó Tổng giám đốc

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG**



Ngô Thành An  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2022



Số: 89 - 22/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 7 tháng 3 năm 2022

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Cầu Đuống**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cầu Đuống (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15/02/2022, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
(tiếp theo)

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Ngô Bá Duy**  
Giám đốc kiểm toán  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**Phạm Thị Hiền**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2018-034-1

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2021	01/01/2021
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>35.720.541.702</b>	<b>32.023.093.960</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.308.195.749</b>	<b>1.540.726.050</b>
1. Tiền	111	V.1.	2.308.195.749	1.540.726.050
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>15.000.000.000</b>	<b>13.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.	15.000.000.000	13.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.725.914.365</b>	<b>4.167.358.647</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	3.088.586.980	3.387.961.154
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	61.785.000	157.500.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	659.619.823	705.974.931
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(84.077.438)	(84.077.438)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7.</b>	<b>14.119.336.130</b>	<b>13.095.160.137</b>
1. Hàng tồn kho	141		14.334.096.160	13.482.121.446
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(214.760.030)	(386.961.309)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>567.095.458</b>	<b>219.849.126</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		254.866.851	219.849.126
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.	312.228.607	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>21.317.853.725</b>	<b>25.701.327.884</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.424.250.000</b>	<b>4.306.660.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	1.424.250.000	4.306.660.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>V.8.</b>	<b>19.535.587.890</b>	<b>17.921.344.872</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		19.535.587.890	17.921.344.872
- Nguyên giá	222		73.257.705.176	76.179.615.418
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.722.117.286)	(58.258.270.546)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.9.</b>	<b>-</b>	<b>2.656.363.636</b>
- Nguyên giá	231		-	2.656.363.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>358.015.835</b>	<b>816.959.376</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	358.015.835	816.959.376
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>57.038.395.427</b>	<b>57.724.421.844</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2021	01/01/2021
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>11.052.899.737</b>	<b>10.782.246.067</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.231.374.237</b>	<b>10.262.926.067</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.	544.041.186	1.367.293.363
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12.	64.383.941	12.492.560
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.	484.556.781	379.039.356
4. Phải trả người lao động	314		720.233.633	932.140.700
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14.	50.441.733	54.475.934
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16.	214.929.080	194.800.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.	5.288.069.783	2.501.154.266
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.	2.842.155.740	4.782.456.415
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		22.562.360	39.073.473
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>821.525.500</b>	<b>519.320.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15.	821.525.500	519.320.000
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>45.985.495.690</b>	<b>46.942.175.777</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18.</b>	<b>45.785.495.690</b>	<b>46.742.175.777</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		34.649.950.000	34.649.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		34.649.950.000	34.649.950.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		769.975.000	769.975.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(840.000)	(840.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.733.129.717	6.733.129.717
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.633.280.973	4.589.961.060
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		775.050.060	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.858.230.913	4.589.961.060
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431		200.000.000	200.000.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>57.038.395.427</b>	<b>57.724.421.844</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Xuân Hoa

Nguyễn Thị Xuân Hoa

Ngô Thành An

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	22.791.130.723	31.382.404.050
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		22.791.130.723	31.382.404.050
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	14.892.424.112	19.867.270.032
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.898.706.611	11.515.134.018
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	1.465.840.342	1.042.319.530
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	421.066.462	154.613.833
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		420.249.972	154.613.833
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7.	280.331.701	584.959.609
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7.	6.213.882.796	6.491.277.011
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		2.449.265.994	5.326.603.095
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	924.151.834	32.458.202
12. Chi phí khác	32	VI.6.	42.908.419	18.831.656
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		881.243.415	13.626.546
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.330.509.409	5.340.229.641
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	472.278.496	750.268.581
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.858.230.913	4.589.961.060
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	824,91	1.223,69

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG**

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Xuân Hoa

Nguyễn Thị Xuân Hoa

Ngô Thành An

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.330.509.409	5.340.229.641
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.524.408.179	2.780.832.316
- Các khoản dự phòng	03		(172.201.279)	242.041.474
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		816.490	(702.233)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.955.789.865)	(1.055.543.681)
- Chi phí lãi vay	06		420.249.972	154.613.833
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.147.992.906	7.461.471.350
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.906.479.182	(1.378.725.235)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(851.974.714)	622.636.506
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.165.636.244	(3.063.874.837)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		172.056.541	(36.548.549)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(129.389.739)	(148.474.933)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(347.538.555)	(900.000.000)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(366.511.113)	(231.046.022)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6.696.750.752</b>	<b>2.325.438.280</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.407.813.218)	(3.572.072.713)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.949.677.491	60.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		(19.000.000.000)	(1.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		17.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.101.766.799	1.041.617.297
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.356.368.928)</b>	<b>(3.470.455.416)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021  
(tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2021	Năm 2020
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		6.850.916.479	7.123.726.522
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(8.791.217.154)	(3.329.170.107)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.631.794.960)	(3.470.247.305)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(4.572.095.635)</i>	<i>324.309.110</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>768.286.189</b>	<b>(820.708.026)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.540.726.050	2.360.731.843
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(816.490)	702.233
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.01</b>	<b>2.308.195.749</b>	<b>1.540.726.050</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2022  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUỐNG

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Xuân Hoa

Nguyễn Thị Xuân Hoa

Ngô Thành An

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cầu Đuống (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 16/05/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Đầu tư xây dựng và Sản xuất vật liệu Cầu Đuống thành Công ty Cổ phần Cầu Đuống. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103012930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 26/06/2006. Công ty có 09 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104997 thay đổi lần thứ 09 ngày 22/05/2019 thì vốn điều lệ của Công ty là: **34.649.110.000 đồng** (Ba mươi tư tỷ, sáu trăm bốn mươi chín triệu, một trăm mười nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn Upcom với mã chứng khoán là CDG.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và kinh doanh dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Bán sản phẩm vật liệu xây dựng, bán sản phẩm cơ khí;
- Hoạt động xây lắp;
- Cung cấp dịch vụ, vận chuyển, tư vấn, thiết kế, cho thuê nhà xưởng - kho bãi.

**Trụ sở Công ty tại:** Km 14 Quốc lộ 3, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

**1. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

**4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

**5. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**7. Nguyên tắc kế toán và phương pháp khấu hao TSCĐ**

**7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

**Loại tài sản cố định**

**Thời gian khấu hao <năm >**

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
- Máy móc, thiết bị	05 - 15
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 07

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư**

***Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư***

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của Bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

***Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư***

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí trả trước khác: Chi phí trả trước khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

**10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty không có số dư vay gốc ngoại tệ.

**12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí lãi vay được xác định vào hợp đồng, khế ước vay, thời gian vay thực tế; khoản trích trước tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên được xác định dựa vào bảng chấm công, các loại chi phí trên được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê đất; được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng thuê đất, chứng từ nhận tiền, hóa đơn.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

**14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được Công ty mua lại cổ phiếu do chính Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán sản phẩm vật liệu xây dựng, doanh thu bán sản phẩm cơ khí, cung cấp dịch vụ, vận chuyển, tư vấn, thiết kế, cho thuê nhà xưởng – kho bãi, doanh thu hoạt động xây lắp và doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng.

***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần Công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, số dư các khoản cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

**16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và chi phí dự phòng đầu tư tài chính.

**17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**17.1 Các nghĩa vụ về thuế**

**Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành. Công ty đang áp dụng mức thuế GTGT 5% đối với doanh thu từ chuyển giao công nghệ, 10% đối với doanh thu bán vật liệu xây dựng, hoạt động xây lắp, tư vấn thiết kế và doanh thu khác.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

**1. Tiền**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tiền</b>		
Tiền mặt	690.027.504	113.585.252
Tiền gửi ngân hàng	1.618.168.245	1.427.140.798
<b>Cộng</b>	<b>2.308.195.749</b>	<b>1.540.726.050</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	15.000.000.000	15.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>13.000.000.000</b>	<b>13.000.000.000</b>

(\*) Là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng, lãi suất gốc theo từng hợp đồng tiền gửi cụ thể dao động từ 4% đến 8% và thay đổi tùy theo lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm cụ thể.

**3. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Toàn Linh	484.464.535	-	141.532.579	-
Các xí nghiệp của Tổng Công ty CP Vật liệu xây dựng Mai Đình	602.828.300	-	477.948.412	-
Các đối tượng khác	61.247.000	-	671.750.000	-
	1.940.047.145	(84.077.438)	2.096.730.163	(84.077.438)
<b>Cộng</b>	<b>3.088.586.980</b>	<b>(84.077.438)</b>	<b>3.387.961.154</b>	<b>(84.077.438)</b>

**4. Trả trước cho người bán**

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Đầu tư và Phát triển tài nguyên môi trường Hà Nội	60.000.000	-	60.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Tùng Đại Phát	-	-	70.000.000	-
Các đối tượng khác	1.785.000	-	27.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>61.785.000</b>	<b>-</b>	<b>157.500.000</b>	<b>-</b>

**5. Phải thu khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>659.619.823</b>		<b>705.974.931</b>	
- Tạm ứng	50.933.400	-	16.123.600	-
- Phải thu khác	608.686.423	-	689.851.331	-
Thu bồi hoàn kiểm kê không nung - Nguyễn Đức Tuấn	-	-	-	-
Lãi dự thu tiền gửi	499.997.260	-	570.126.028	-



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Phải thu về BHXH	101.745.220	-	110.495.730	-
Các đối tượng khác	6.943.943	-	9.229.573	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.424.250.000</b>	<b>-</b>	<b>4.306.660.000</b>	<b>-</b>
- Phải thu khác				
Tiền góp vốn đầu giá quyền sử dụng đất (*)	1.424.250.000	-	4.306.660.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.083.869.823</b>	<b>-</b>	<b>5.012.634.931</b>	<b>-</b>

(\*) Tiền góp vốn đầu giá quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở tại khu đất: điểm X1, thôn Đìa, Xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, Hà Nội với bà Nguyễn Thị Xuân Hoa theo Hợp đồng thỏa thuận góp vốn quyền sử dụng đất trung đầu giá ngày 06/12/2021 với số tiền góp vốn đợt 1 (50%) là 1.424.250.000 đồng.

b) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**6. Nợ xấu**

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>				
<b>Phải thu khách hàng</b>				
Công ty CP Xây dựng 556	49.334.844	-	49.334.844	-
Công ty TNHH Tokyu Việt Nam	34.742.594	-	34.742.594	-
<b>Cộng</b>	<b>84.077.438</b>	<b>-</b>	<b>84.077.438</b>	<b>-</b>

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.180.079.629	-	5.303.585.603	-
Công cụ, dụng cụ	6.161.630	-	4.993.907	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.077.148.799	-	2.070.621.583	-
Thành phẩm	7.070.706.102	(214.760.030)	6.102.920.353	(386.961.309)
<b>Cộng</b>	<b>14.334.096.160</b>	<b>(214.760.030)</b>	<b>13.482.121.446</b>	<b>(386.961.309)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ ĐUÔNG**

Địa chỉ: Km 14 Quốc lộ 3, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số dư ngày 01/01/2021</b>	<b>37.619.793.573</b>	<b>31.102.335.865</b>	<b>6.925.196.995</b>	<b>532.288.985</b>	<b>76.179.615.418</b>
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.507.813.218	-	-	-	<b>4.507.813.218</b>
Thanh lý, nhượng bán	(96.658.006)	(6.072.708.311)	(1.260.357.143)	-	<b>(7.429.723.460)</b>
<b>Số dư ngày 31/12/2021</b>	<b>42.030.948.785</b>	<b>25.029.627.554</b>	<b>5.664.839.852</b>	<b>532.288.985</b>	<b>73.257.705.176</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư ngày 01/01/2021</b>	<b>26.831.309.810</b>	<b>24.817.264.546</b>	<b>6.157.337.355</b>	<b>452.358.835</b>	<b>58.258.270.546</b>
Khấu hao trong năm	1.371.042.179	981.681.059	157.489.373	14.195.568	<b>2.524.408.179</b>
Thanh lý, nhượng bán	(96.658.006)	(5.737.921.290)	(1.225.982.143)	-	<b>(7.060.561.439)</b>
<b>Số dư ngày 31/12/2021</b>	<b>28.105.693.983</b>	<b>20.061.024.315</b>	<b>5.088.844.585</b>	<b>466.554.403</b>	<b>53.722.117.286</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>10.788.483.763</b>	<b>6.285.071.319</b>	<b>767.859.640</b>	<b>79.930.150</b>	<b>17.921.344.872</b>
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>13.925.254.802</b>	<b>4.968.603.239</b>	<b>575.995.267</b>	<b>65.734.582</b>	<b>19.535.587.890</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 2.143.847.119 VND (Tại thời điểm 31/12/2020 là 2.564.979.608 VND)

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 34.242.449.715 VND (Tại thời điểm 31/12/2020 là 36.452.227.027 VND)

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

**9.1 Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá**

Khoản mục	01/01/2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND	
				31/12/2021	
<b>Nguyên giá</b>	<b>2.656.363.636</b>	-	<b>2.656.363.636</b>	-	-
Quyền sử dụng đất	2.656.363.636	-	2.656.363.636	-	-
<b>Tổn thất do suy giảm giá trị</b>	-	-	-	-	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>2.656.363.636</b>	-	<b>2.656.363.636</b>	-	-
Quyền sử dụng đất	2.656.363.636	-	2.656.363.636	-	-

**10. Chi phí trả trước**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	317.473.679	330.591.861
Chi phí sửa chữa tài sản	40.542.156	99.480.515
Chi phí trả trước khác	-	386.887.000
<b>Cộng</b>	<b>358.015.835</b>	<b>816.959.376</b>

**11. Phải trả người bán**

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Sơn Lâm	-	-	113.459.280	113.459.280
Công ty Điện lực Đông Anh	101.924.592	101.924.592	112.846.800	112.846.800
Công ty CP Đầu tư hạ tầng và Đô thị Hà Tĩnh	275.000.000	275.000.000	-	-
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Đắc Chí	-	-	581.620.380	581.620.380
Công ty CP Phát triển thương mại và Đầu tư xây dựng Hoàng Gia	-	-	159.949.600	159.949.600
Công ty CP Vật liệu xây dựng Mai Đình	100.000.000	100.000.000	-	-
Các đối tượng khác	67.116.594	67.116.594	399.417.303	399.417.303
<b>Cộng</b>	<b>544.041.186</b>	<b>544.041.186</b>	<b>1.367.293.363</b>	<b>1.367.293.363</b>

**12. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Lâm Phương	57.250.021	-
Các đối tượng khác	7.133.920	12.492.560
<b>Cộng</b>	<b>64.383.941</b>	<b>12.492.560</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2021
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT	-	1.251.353.067	1.251.353.067	-
Thuế TNDN	47.538.544	472.278.496	347.538.555	172.278.485
Thuế TNCN	32.101.207	122.021.148	152.250.673	1.871.682
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	299.399.605	3.853.839.602	3.842.832.593	310.406.614
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.850.000	3.850.000	-
<b>Cộng</b>	<b>379.039.356</b>	<b>5.707.342.313</b>	<b>5.601.824.888</b>	<b>484.556.781</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế TNCN	-	-	7.110.907	7.110.907
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	305.117.700	305.117.700
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>312.228.607</b>	<b>312.228.607</b>

**14. Chi phí phải trả**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay phải trả	24.018.233	20.045.000
Tiền ăn ca phải trả	26.423.500	29.735.666
Chi phí khác	-	4.695.268
<b>Cộng</b>	<b>50.441.733</b>	<b>54.475.934</b>

**15. Phải trả khác**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	-	21.234.480
- Nhận ký quỹ ký cược	148.060.000	276.060.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.140.009.783	2.203.859.786
Ông Nguyễn Hữu Minh (*)	1.669.221.986	1.681.973.953
Ông Hoàng Văn Hùng (*)	2.100.000.000	-
Cổ tức phải trả	1.226.023.495	392.907.455
Các đối tượng khác	144.764.302	128.978.378
<b>b) Dài hạn</b>	<b>821.525.500</b>	<b>519.320.000</b>
Nhận ký quỹ ký cược	821.525.500	519.320.000
<b>Cộng</b>	<b>6.109.595.283</b>	<b>3.020.474.266</b>

(\*) Là khoản phải trả ông Nguyễn Hữu Minh, ông Hoàng Văn Hùng theo các hợp đồng xây dựng, lắp đặt cơ khí.

**b) Phải trả khác là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**16. Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Doanh thu trả trước về cho thuê đất	206.320.000	194.800.000
Doanh thu từ bán gạch ngói	8.609.080	-
<b>Cộng</b>	<b>214.929.080</b>	<b>194.800.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG**

Địa chỉ: Km 14 Quốc lộ 3, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Mẫu số B 09 - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**17. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2021 VND		Trong năm VND		01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (1)	1.412.155.740	1.412.155.740	3.515.916.479	5.961.217.154	3.857.456.415	3.857.456.415
Vay ngắn hạn các cá nhân (2)	1.430.000.000	1.430.000.000	3.335.000.000	2.830.000.000	925.000.000	925.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.842.155.740</b>	<b>2.842.155.740</b>	<b>6.850.916.479</b>	<b>8.791.217.154</b>	<b>4.782.456.415</b>	<b>4.782.456.415</b>

**b) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**

(1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 339/2021-HĐCVHM/NHCT131-CAUDUONG ngày 28/09/2021 - Công ty CP Cầu Đuông ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh Hà Nội theo hạn mức vay không vượt quá 5 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 28/09/2022, lãi suất vay được xác định trên từng giấy nhận nợ. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng đảm bảo số 335-3/2010 ngày 01/11/2010 là toàn bộ máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất gạch không nung; hợp đồng đảm bảo số 2533/HĐTC ngày 01/12/2009; Tài sản thế chấp là trụ sở văn phòng làm việc; hợp đồng đảm bảo số 615-3/2015/HĐTC ngày 29/12/2011 hạng mục nhà dướng hộ thuộc nhà máy gạch không nung; hợp đồng thế chấp bất động sản số 509/2018/HĐBĐ/NHCT131-CD ngày 19/06/2018, tài sản thế chấp là toàn bộ máy móc thiết bị thuộc dự án "Đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất gạch tuynel Xí nghiệp Gốm xây dựng Mai Lâm năm 2017"; hợp đồng thế chấp tài sản số 510/2018/HĐBĐ/NHCT131-CD ngày 19/06/2018, tài sản thế chấp là toàn bộ nhà xưởng thuộc dự án "Đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất gạch tuynel Xí nghiệp Gốm xây dựng Mai Lâm năm 2017".

(2) Khoản vay ngắn hạn của các cá nhân theo giấy báo huy động vốn, thời hạn vay từ 6 đến 12 tháng, lãi suất theo từng lần huy động vốn (3% đến 6,6%/năm).

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**18. Vốn chủ sở hữu**

**18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2020</b>	<b>34.649.950.000</b>	<b>769.975.000</b>	<b>(840.000)</b>	<b>2.241.144.171</b>	<b>37.660.229.171</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	4.589.961.060	<b>4.589.961.060</b>
Chia cổ tức	-	-	-	(2.771.928.800)	<b>(2.771.928.800)</b>
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(162.197.571)	<b>(162.197.571)</b>
Tặng khác (**)	-	-	-	692.982.200	<b>692.982.200</b>
<b>Số dư tại ngày 31/12/2020</b>	<b>34.649.950.000</b>	<b>769.975.000</b>	<b>(840.000)</b>	<b>4.589.961.060</b>	<b>40.009.046.060</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	2.858.230.913	<b>2.858.230.913</b>
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(3.464.911.000)	<b>(3.464.911.000)</b>
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(350.000.000)	<b>(350.000.000)</b>
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	<b>34.649.950.000</b>	<b>769.975.000</b>	<b>(840.000)</b>	<b>3.633.280.973</b>	<b>39.052.365.973</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 ngày 27 tháng 04 năm 2021.

(\*\*) Tặng khác do hoàn lại một phần Quỹ đầu tư phát triển để chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2020 ngày 28 tháng 05 năm 2020.

**18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tổng Công ty Đầu tư và phát triển hạ tầng Đô thị	14.789.950.000	14.789.950.000
Nguyễn Thị Phương	4.235.040.000	4.235.040.000
Nguyễn Thị Liên	1.791.860.000	1.791.860.000
Nguyễn Văn Minh	1.740.990.000	1.740.990.000
Các cổ đông khác	12.092.110.000	12.092.110.000
<b>Cộng</b>	<b>34.649.950.000</b>	<b>34.649.950.000</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	34.649.950.000	34.649.950.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	34.649.950.000	34.649.950.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>3.464.911.000</b>	<b>2.771.928.800</b>

**18.4 Cổ phiếu**

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.464.995	3.464.995
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.464.995	3.464.995
- Cổ phiếu phổ thông	3.464.995	3.464.995
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	84	84
- Cổ phiếu phổ thông	84	84
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.464.911	3.464.911
- Cổ phiếu phổ thông	3.464.911	3.464.911
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu</b>		

**18.5 Các quỹ của doanh nghiệp**

Khoản mục				Đơn vị tính: VND
	01/01/2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2021
Quỹ đầu tư phát triển	6.733.129.717	-	-	6.733.129.717
<b>Cộng</b>	<b>6.733.129.717</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.733.129.717</b>

**\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

**19. Nguồn kinh phí**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	200.000.000	200.000.000

**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	31/12/2021	01/01/2021
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
USD	200,45	200,45

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	2.597.427.483	2.905.434.025
Doanh thu bán các thành phẩm	7.035.122.404	18.472.096.305
Doanh thu vận chuyển, cơ khí, xây lắp	12.757.200	122.099.658
Doanh thu cho thuê nhà xưởng	10.398.550.909	9.882.774.062
Doanh thu bán bất động sản	2.747.272.727	-
<b>Cộng</b>	<b>22.791.130.723</b>	<b>31.382.404.050</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của hàng hoá, vật tư đã bán	2.283.533.082	2.838.617.064
Giá vốn của thành phẩm đã bán	7.563.770.185	14.464.241.355
Giá vốn hoạt động vận chuyển, cơ khí, xây lắp	12.757.200	122.099.587
Giá vốn cho thuê nhà xưởng	2.590.760.039	2.200.270.552
Giá vốn bán bất động sản	2.656.363.636	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(214.760.030)	242.041.474
<b>Cộng</b>	<b>14.892.424.112</b>	<b>19.867.270.032</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.031.638.031	1.041.617.297
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	702.233
Doanh thu từ góp vốn đầu tư quyền sử dụng đất	434.202.311	-
<b>Cộng</b>	<b>1.465.840.342</b>	<b>1.042.319.530</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	420.249.972	154.613.833
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	816.490	-
<b>Cộng</b>	<b>421.066.462</b>	<b>154.613.833</b>

**5. Thu nhập khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	924.151.834	13.926.384
Thu nhập từ hồ sơ mời thầu	-	16.000.000
Các khoản khác	-	2.531.818
<b>Cộng</b>	<b>924.151.834</b>	<b>32.458.202</b>



**Mẫu số B 09 - DN**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**6. Chi phí khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí phạt chậm nộp tiền thuế	895.982	1.608.431
Chi phí từ xử lý nợ phải thu	42.012.437	17.223.225
<b>Cộng</b>	<b>42.908.419</b>	<b>18.831.656</b>

**7. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>280.331.701</b>	<b>584.959.609</b>
Chi phí nhân viên	54.062.000	69.115.818
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	1.007.322
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.244.545	25.535.000
Chi phí bằng tiền khác	218.025.156	489.301.469
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>6.213.882.796</b>	<b>6.491.277.011</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1.594.055.540	1.822.534.071
Chi phí vật liệu quản lý	23.287.288	19.380.203
Chi phí đồ dùng văn phòng	102.340.879	185.814.293
Chi phí khấu hao TSCĐ	177.236.487	167.017.356
Thuế, phí và lệ phí	3.830.194.916	3.981.090.395
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.445.233	62.492.364
Chi phí bằng tiền khác	442.322.453	252.948.329
<b>Cộng</b>	<b>6.494.214.497</b>	<b>7.076.236.620</b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.453.017.728	6.198.807.979
Chi phí nhân công	4.633.027.418	6.640.965.929
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.524.627.527	2.780.832.316
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.721.164.054	5.149.392.602
Chi phí khác bằng tiền	4.923.120.606	6.158.632.300
<b>Cộng</b>	<b>19.254.957.333</b>	<b>26.928.631.126</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	3.330.509.409	5.340.229.641
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	42.908.419	18.831.656
Lỗi được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	3.373.417.828	5.359.061.297
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	674.683.566	1.071.812.259
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-

**Mẫu số B 09 - DN**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, được giảm (*)	202.405.070	321.543.678
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện	472.278.496	750.268.581

(\*) Giảm theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 - Quy định chi tiết thi hành nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2021 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.858.230.913	4.589.961.060
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(350.000.000)
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	(350.000.000)
<i>+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi(*)</i>	-	(350.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.858.230.913	4.239.961.060
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.464.911	3.464.911
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	824,91	1.223,69

(\*) Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 27/04/2021. Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 chưa được Công ty loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có cơ sở ước tính.

(\*\*) Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2020 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 24/07/2021.

	<b>Năm 2020</b>	<b>Số điều chỉnh</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>Số trước</b>		<b>Số sau</b>
	<b>điều chỉnh</b>		<b>điều chỉnh</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.589.961.060	-	4.589.961.060
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(350.000.000)	(350.000.000)
<i>Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	(350.000.000)	(350.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.589.961.060	(350.000.000)	4.239.961.060
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.464.911	-	3.464.911
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.324,70		1.223,69

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>1. Số tiền đi vay thực thu trong năm:</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	6.850.916.479	5.201.087.544
<b>2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	8.791.217.154	5.640.516.658

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**VIII. Những thông tin khác**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**Danh sách các bên liên quan**

**Bên liên quan**

Ông Nguyễn Hữu Minh

Ông Ngô Thành An

**Mối quan hệ**

Giám đốc xí nghiệp cơ khí

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

**Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi tạm ứng</b>	-	<b>265.000.000</b>
Ông Ngô Thành An	-	265.000.000
<b>Thu tạm ứng</b>	-	<b>265.000.000</b>
Ông Ngô Thành An	-	265.000.000

**Số dư với các bên liên quan**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải trả khác</b>	<b>1.669.221.986</b>	<b>1.681.973.953</b>
Ông Nguyễn Hữu Minh	1.669.221.986	1.681.973.953

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lương, thưởng	575.563.800	478.271.600
<b>Cộng</b>	<b>575.563.800</b>	<b>478.271.600</b>

**3. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.18, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công nợ tài chính	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Các khoản vay	2.842.155.740	4.782.456.415
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.308.195.749	1.540.726.050
Nợ thuần	533.959.991	3.241.730.365
Vốn chủ sở hữu	45.785.495.690	46.742.175.777
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	1,17%	0,00%

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số IV.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.308.195.749	1.540.726.050
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.088.379.365	8.316.518.647
Các khoản đầu tư tài chính	15.000.000.000	13.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>22.396.575.114</b>	<b>22.857.244.697</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	2.842.155.740	4.782.456.415
Phải trả người bán và phải trả khác	6.653.636.469	4.387.767.629
Chi phí phải trả	50.441.733	54.475.934
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.546.233.942</b>	<b>9.224.699.978</b>

Công ty chưa đánh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>31/12/2021</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	5.832.110.969	821.525.500	<b>6.653.636.469</b>
Chi phí phải trả	50.441.733	-	<b>50.441.733</b>
Các khoản vay	2.842.155.740	-	<b>2.842.155.740</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Cộng VND
<b>01/01/2021</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	3.868.447.629	519.320.000	<b>4.387.767.629</b>
Chi phí phải trả	54.475.934	-	<b>54.475.934</b>
Các khoản vay	4.782.456.415	-	<b>4.782.456.415</b>

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Cộng VND
<b>31/12/2021</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.308.195.749	-	<b>2.308.195.749</b>
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.664.129.365	1.424.250.000	<b>5.088.379.365</b>
Các khoản đầu tư tài chính	15.000.000.000	-	<b>15.000.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

01/01/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.540.726.050	-	1.540.726.050
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.009.858.647	4.306.660.000	8.316.518.647
Các khoản đầu tư tài chính	13.000.000.000	-	13.000.000.000

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Cầu Đuông đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Xuân Hoa

Nguyễn Thị Xuân Hoa

Ngô Thành An